

- Theo dõi, giám sát thực hiện hợp đồng liên quan đến xây dựng cơ bản, máy móc thiết bị, cải tạo sửa chữa (không bao gồm các công việc đã được phân công cho các phòng/ban khác);
- Giám sát thực hiện quy trình và đề xuất kỷ luật các bộ phận không tuân thủ quy trình mà phòng tham mưu.

### 3.5.10 Phòng Bảo hộ - An toàn vệ sinh lao động

Phòng Bảo hộ – An toàn vệ sinh lao động thực hiện các nhiệm vụ chính sau:

- Quản trị các tiêu chí theo tiêu chuẩn đánh giá của các khách hàng:
  - Tiêu chí an toàn vệ sinh lao động và an toàn vệ sinh thực phẩm;
  - Tiêu chí bảo vệ môi trường và tài nguyên nước (bao gồm cả giai đoạn dự án: KBM, ĐTM, cấp phép tài nguyên nước và vận hành nhà máy);
  - Tiêu chí chăm sóc sức khỏe ban đầu, trực sơ cấp cứu, bệnh nghề nghiệp;
  - Tiêu chí về duy trì 5S;
- Thực hiện công tác phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lũ, cứu hộ cứu nạn, phòng chống thiên tai (bao gồm cả công việc theo dõi giám sát thực hiện hợp đồng);
- Đào tạo nhân viên an toàn tại các đơn vị;
- Thực hiện kiểm tra, giám sát và chịu trách nhiệm về an toàn vệ sinh thực phẩm;
- Quản trị hoạt động của phòng theo quy trình hệ thống phần mềm ERP; Kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc cập nhật số liệu phần mềm.

### 3.5.11 Phòng kế toán

Phòng kế toán thực hiện các công việc chính sau:

- Xây dựng hệ thống kiểm soát tài chính;
- Đào tạo nội bộ;
- Kiểm soát chi phí;
- Kiểm soát hạn mức tín dụng;
- Kiểm soát báo cáo nội bộ;
- Lập, phân tích báo cáo tài chính toàn công ty, công bố báo cáo theo quy định;
- Thực hiện nghiệp vụ cân đối vốn và huy động vốn cho các dự án mà HĐQT giao;
- Thực hiện công tác báo cáo thuế, báo cáo thống kê theo quy định của nhà nước hiện hành;
- Kiểm tra, giám sát công tác kế toán tài chính của các chi nhánh trong toàn công ty;
- Theo dõi, thu hồi công nợ;
- Kế toán dự án và xây dựng cơ bản;
- Thẩm định đơn giá/giá trị của các hợp đồng mua hàng;
- Giám sát thực hiện quy trình và đề xuất hình thức kỷ luật các bộ phận không tuân thủ quy trình mà phòng tham mưu.

**4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông**

**4.1 Danh sách cổ đông sáng lập**

Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4600305723 cấp lần đầu ngày 02/01/2003 và các lần sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm, tính đến nay, cổ phần cổ đông sáng lập của Công ty không còn bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và được tự do chuyển nhượng.

**4.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm ngày 17/03/2025**

**Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

TT	Tên cổ đông	Năm sinh/năm thành lập	Quốc tịch	SỐ CMND/CCCD /Giấy CN ĐKDN	Địa chỉ thường trú/địa chỉ trụ sở chính	Số cổ phần nắm giữ (Cổ phần), tỷ lệ sở hữu/VĐL tại thời điểm hiện tại
1	Nguyễn Văn Thời	1958	Việt Nam	090117808	Phường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên	22.713.922 (18,53%)
2	Nguyễn Đức Mạnh	1983	Việt Nam	019083000466	Số 434/1 Bắc Kạn, Tp. Thái Nguyên	10.825.261 (8,83%)
3	Trần Cảnh Thông	1963	Việt Nam	023324942	8.07 Cao ốc Thịnh Vượng, 531 Nguyễn Duy Trinh, P. Bình Trưng Đông, Q.2, TP.HCM	7.675.634 (6,26%)
4	Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan					7.089.621 (5,78%)
4.1	FIDES KTCU PRIVATE INVESTMENT TRUST 1		Hàn Quốc	CC6619	20, Sejong-daero 9-gil, Jung-gu, Seoul, Korea	3.892.223 (3,17%)



4.2	FIDES VIETNAM GENERAL PRIVATE INVESTMENT POBA TRUST 1		Hàn Quốc	CD5580	20, Sejong- daero 9-gil, Jung-gu, Seoul, Korea	919.620 (0,75%)
4.3	FIDES VIETNAM GENERAL PRIVATE INVESTMENT PMAA TRUST 1		Hàn Quốc	CD5940	20, Sejong- daero 9-gil, Jung-gu, Seoul, Korea	521.280 (0,43%)
4.4	FIDES REHOBOTH KBIZ PRIVATE INVESTMENT TRUST 1		Hàn Quốc	CC3693	20, Sejong- daero 9-gil, Jung-gu, Seoul, Korea	861.559 (0,70%)
4.5	FIDES VIETNAM GENERAL PRIVATE INVESTMENT SEMA TRUST 1		Hàn Quốc	CD5790	20, Sejong- daero 9-gil, Jung-gu, Seoul, Korea	485.480 (0,40%)
4.6	FIDES ASSEMBLE GLOBAL PRIVATE INVESTMENT TRUST 1		Hàn Quốc	CC8351	20, Sejong- daero 9-gil, Jung-gu, Seoul, Korea	55.051 (0,04%)
4.7	FIDES MPLUS GLOBAL GENERAL PRIVATE INVESTMENT TRUST 1		Hàn Quốc		20, Sejong- daero 9-gil, Jung-gu, Seoul, Korea	203.232 (0,17%)
4.8	FIDES VIETNAM GENERAL PRIVATE INVESTMENT CG TRUST 1		Hàn Quốc		20, Sejong- daero 9-gil, Jung-gu, Seoul, Korea	151.176 (0,12%)
Tổng cộng						48.304.438 (39,40%)

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 17/03/2025 của TNG

Do Danh sách người sở hữu chứng khoán được cung cấp bởi VSDC và Báo cáo thay đổi tỷ lệ sở hữu của nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan là cổ đông lớn (ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ tài chính) không thể hiện thông tin về năm thành lập, người đại diện theo pháp luật và vốn điều lệ của Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan như trình bày tại bảng trên nên tại thời điểm của Bản cáo bạch này, TNG không có thông tin về năm thành lập, người đại diện theo pháp luật, vốn điều lệ của Nhóm nhà đầu tư có liên quan nêu trên.

#### 4.3 Cơ cấu cổ đông

**Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của TNG tại ngày chốt 17/03/2025**

TT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>13.942</b>	<b>102.904.380</b>	<b>83,93%</b>
1	Cổ đông tổ chức	44	3.336.544	2,72%
	Trong đó: Nhà nước	-	-	-
2	Cổ đông cá nhân	13.898	99.567.836	81,21%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>210</b>	<b>19.696.826</b>	<b>16,07%</b>
1	Cổ đông tổ chức	44	18.695.441	15,25%
2	Cổ đông cá nhân	166	1.001.385	0,782%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>14.152</b>	<b>122.601.206</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 17/03/2025 của TNG*

**5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối**

**5.1 Công ty mẹ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết:** Không có

**5.2 Danh sách Công ty con của TNG, những công ty mà TNG nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối**

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính ngày 31/12/2023, TNG có công ty con theo thông tin tại bảng 4 dưới đây. Tuy nhiên, tại thời điểm 31/12/2024 và tính đến thời điểm hiện tại, TNG không có công ty con. Theo Nghị quyết số 121/NQ-HĐQT ngày 09 tháng 5 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần TNG Land đã thông qua việc tăng vốn điều lệ thành 286.800.000.000 VND bằng hình thức phát hành 1.600.000 cổ phần riêng lẻ (mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần). Theo đó, tỷ lệ góp vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần TNG Land đã giảm từ 51,7% xuống còn



48,81% và Công ty Cổ phần TNG Land không còn là công ty con và trở thành công ty liên kết của Công ty kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024. Theo Nghị quyết số 354/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 6 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc bán/chuyển nhượng cổ phần để giảm tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bắc Thái. Theo đó, tỷ lệ góp vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bắc Thái đã giảm từ 70,5% xuống còn 48% và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bắc Thái không còn là công ty con và trở thành công ty liên kết của Công ty kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2024. Như vậy, tại thời điểm 31/12/2024, TNG không có công ty con.

**Bảng 4: Danh sách công ty con của TNG tại thời điểm 31/12/2023**

Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2023 (%)
Công ty cổ phần TNG Land	51,7
Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bắc Thái	70,5

Nguồn: TNG

#### 5.2.1 Công ty cổ phần TNG Land

Xem chi tiết tại mục 5.3.2 dưới đây.

#### 5.2.2 Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Bắc Thái

Xem chi tiết tại mục 5.3.1 dưới đây.

#### 5.3 Danh sách Công ty liên doanh, liên kết

**Bảng 5: Danh sách công ty liên doanh, liên kết của TNG tại ngày 31/12/2023, 31/12/2024 và 31/03/2025**

Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/12/2023 (%)	Tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/12/2024 (%)	Tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/03/2025 (%)
Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Bắc Thái*	70,5	48,00	48,00
Công ty cổ phần TNG Land**	51,7	48,81	48,81
Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG	49	49	49

Nguồn: TNG

\* Ngày 24/08/2023, Công ty cổ phần đầu tư và thương mại TNG hoàn tất thủ tục thu mua thêm cổ phần phổ thông của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Bắc Thái, nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty này lên 70,5%. Công ty cổ phần đầu tư và thương mại TNG trở thành công ty mẹ

của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Bắc Thái kể từ ngày 24/08/2023. Theo Nghị quyết HĐQT số 354/NQ-HĐQT ngày 19/06/2024, Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG bán/chuyển nhượng cổ phần để giảm tỷ lệ sở hữu tại Công ty phần đầu tư và xây dựng Bắc Thái. Ngày 25/06/2024, TNG hoàn tất thủ tục bán/chuyển nhượng 6.680 cổ phần Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Bắc Thái và giảm tỷ lệ sở hữu của TNG tại công ty này xuống còn 48,003%.

\*\* Ngày 20/05/2024, Công ty cổ phần đầu tư và thương mại TNG nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4601593760 thay đổi lần thứ 6 ngày 16 tháng 5 năm 2024 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty cổ phần TNG Land về việc tăng vốn điều lệ. Theo đó, tỷ lệ góp vốn của TNG tại Công ty cổ phần TNG Land đã giảm xuống còn 48,81% nên Công ty cổ phần TNG Land từ công ty con chuyển thành công ty liên kết của TNG kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

### 5.3.1 Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Bắc Thái

- Trụ sở: Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên
- Mã số thuế: 4600100130 do cục thuế tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 22/09/1998
- Ngành nghề kinh doanh: Xây lắp các công trình về lưới điện
- Vốn điều lệ đăng ký tại ngày 31/03/2025: 3.000.000.000 đồng
- Vốn thực góp tại ngày 31/03/2025: 2.966.700.000 đồng
- Tổng giá trị cổ phần sở hữu của TNG theo mệnh giá tại 31/03/2025: 1.424.100.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của TNG tại ngày 31/03/2025: 48,00%

### 5.3.2 Công ty cổ phần TNG Land

- Trụ sở: Xóm Đồng Xe - Xã Sơn Cẩm - TP. Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên.
- Giấy đăng ký doanh nghiệp: 4601593760 do Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 30/06/2022
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh bất động sản
- Vốn điều lệ đăng ký tại 31/03/2025: 286.800.000.000 đồng
- Vốn thực góp tại ngày 31/03/2025: 286.800.000.000 đồng
- Tổng giá trị cổ phần sở hữu của 140.000.000.000 đồng



TNG theo mệnh giá tại 31/03/2025:

- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu 48,81%

quyết của TNG tại ngày 31/03/2025:

### 5.3.3 Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG

- Trụ sở: Số 221, Đường Thống Nhất, phường Tân Lập, TP Thái Nguyên
  - Giấy đăng ký doanh nghiệp: 4601540430 do Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 20/06/2019
  - Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động của các cơ sở thể thao (sân golf)
  - Vốn điều lệ đăng ký: 300.000.000.000 đồng
  - Vốn điều lệ thực góp: 0 đồng (i)
  - Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu 49%
- quyết của TNG tại doanh nghiệp tại ngày 31/03/2025:

(i) Tính đến thời điểm 31/03/2025 Công ty cổ phần Đầu Tư và Thương Mại TNG chưa thực hiện việc góp hoặc góp vốn chưa đủ vào Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG. Theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2020, Công ty phải thực hiện giảm vốn khi các cổ đông không thực hiện thanh toán đầy đủ trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Công ty TNHH Golf Yên Bình đang làm thủ tục giải thể, dự kiến sau khi các thành viên góp vốn thống nhất phương án sẽ tiến hành thủ tục đăng ký giải thể theo quy định trong năm 2024. Ngày 8/1/2024, Hội đồng quản trị TNG đã thông qua việc giải thể Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG. Theo Nghị quyết số 783/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 12 năm 2024, nhằm thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 01 năm 2024, Hội đồng quản trị đã thông qua việc góp vốn vào công ty liên kết trong phạm vi cam kết góp vốn khi thành lập doanh nghiệp để đủ điều kiện thực hiện giải thể Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG theo quy định của pháp luật.

### 5.4 Công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có.

### 5.5 Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

Không có.

## 6. Hoạt động kinh doanh

### 6.1 Đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh

#### 6.1.1 Hoạt động sản xuất kinh doanh may mặc

Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG là đơn vị chuyên sản xuất hàng may mặc xuất khẩu và các sản phẩm phụ trợ như bao bì giấy, nhựa làm túi nilon, áo mưa nilon, giặt, trần bông, in công nghiệp, thêu và nguyên phụ liệu hàng may mặc. Công ty còn có hệ thống chuỗi cửa hàng giới thiệu, bán buôn, bán lẻ trực tiếp sản phẩm của TNG.

Sản phẩm gia công xuất khẩu chính của công ty là các loại áo jacket và quần Cargo shorts. Thị trường xuất khẩu chính của công ty là Châu Âu, Pháp và Mỹ.

Tính tới ngày 31/12/2024 và đến thời điểm hiện tại, Công ty có 15 chi nhánh may xuất khẩu nằm tại địa bàn các huyện thuộc tỉnh Thái Nguyên, 02 chi nhánh phụ trợ, 02 chi nhánh công nghệ, 01 chi nhánh kiểm định chất lượng.

**Bảng 6: Các đơn vị trực thuộc công ty**

TT	TÊN CHI NHÁNH	VỊ TRÍ	NGÀNH NGHỀ
1	Chi nhánh may Việt Đức	Số 160 Đường Minh Cầu - TP. Thái Nguyên - T. Thái Nguyên	Sản xuất may mặc
2	Chi nhánh may Việt Thái	CCN Sơn Cẩm – Xã Sơn Cẩm – TP Thái Nguyên	Sản xuất may mặc
3	Chi nhánh may Sông Công 1	KCN Sông Công - TP. Sông Công - T. Thái Nguyên	Sản xuất may mặc
4	Chi nhánh may Sông Công 2		Sản xuất may mặc
5	Chi nhánh may Sông Công 3		Sản xuất may mặc
6	Chi nhánh may Sông Công 4		Sản xuất may mặc
7	Chi nhánh sản xuất Bao Bì		Sản xuất bao bì
8	Chi nhánh sản xuất Bông		Sản xuất bông
9	Chi nhánh LAB		Kiểm định chất lượng
10	Chi nhánh may Phú Bình 1	Xã Kha Sơn - H. Phú Bình - T. Thái Nguyên	Sản xuất may mặc
11	Chi nhánh may Phú Bình 2		Sản xuất may mặc
12	Chi nhánh may Phú Bình 3		Sản xuất may mặc
13	Chi nhánh may Phú Bình 4		Sản xuất may mặc
14	Chi nhánh may Đại Từ	Xã Tiên Hội - H. Đại Từ - T. Thái Nguyên	Sản xuất may mặc
15	Chi nhánh may Đồng Hỷ	Xã Nam Hòa - H. Đồng Hỷ - T. Thái Nguyên	Sản xuất may mặc
16	Chi nhánh may Võ Nhai 1	CCN Cây Bông - Xã La Hiên - H. Võ Nhai - T.	Sản xuất may mặc
17	Chi nhánh may Võ Nhai 2		Sản xuất may mặc



		Thái Nguyên	
18	Chi nhánh thời trang TNG	Số 434/1 Đường Bắc Kạn - TP. Thái Nguyên - T. Thái Nguyên	Sản xuất may mặc
19	Chi nhánh giải pháp công nghệ TRE		Công nghệ thông tin
20	Chi nhánh công nghệ tự động hóa TNG		Công nghệ tự động hóa

Nguồn: TNG

❖ Các sản phẩm may mặc chính của TNG bao gồm:

Hình 5: Các sản phẩm may mặc chính



Nguồn: TNG

### 6.1.2 Hoạt động kinh doanh Bất động sản

#### a. Dự án TNG Village 1

Dự án TNG Village 1 là dự án bất động sản đầu tiên mà TNG đầu tư xây dựng. Đây là một trong những dự án nhà chung cư thương mại đầu tiên ở Thái Nguyên. Một số thông tin về dự

án TNG Village 1 như sau:

- Vị trí: Số 206 Minh Cầu, Tp. Thái Nguyên.
- Quy mô dự án: diện tích đất 2.841m<sup>2</sup>, tổng diện tích sàn 19.950 m<sup>2</sup> với 17 tầng nổi và 1 tầng hầm, có 186 căn hộ.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG.
- Pháp lý:
  - + Quyết định chủ trương đầu tư xây dựng số 478/QĐ-UBND ngày 02/3/2017.
  - + Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình số 378A/QĐ-HĐQT ngày 22/3/2017.
  - + Giấy phép xây dựng 29/GPXD ngày 06/10/2017, 11/GPXD ngày 06/07/2018 và 26/GPXD ngày 08/10/2019.
  - + Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng số 2448/SXD-GĐXD ngày 15/09/2020.
- Mức đầu tư: Tổng vốn đầu tư hạ tầng dự kiến 321 tỷ đồng.
- Tiến độ dự án: Dự án hoàn thành và đang tiến hành bàn giao cho khách hàng, và bắt đầu từ ghi nhận doanh thu từ năm 2019.

**b. Dự án Cụm công nghiệp (CCN) Sơn Cẩm 1**

- Vị trí: xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
- Quy mô dự án: 70 ha.
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG.
- Pháp lý:
  - + Quyết định thành lập cụm công nghiệp Sơn Cẩm số 1936/QĐ-UBND ngày 30/06/2018
  - + Quyết định về phê duyệt điều chỉnh tổng thể cụm công nghiệp Sơn Cẩm số 767/QĐ-UBND ngày 31/03/2017 và Quyết định 2285/QĐ-UBND ngày 01/08/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên.
  - + Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Sơn Cẩm số 802/QĐ-UBND ngày 26/03/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên.
  - + Quyết định về việc giao đất, cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG thuê đất để sử dụng vào mục đích thực hiện dự án đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Sơn Cẩm 1 tại xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên (đợt 1).
  - + Quyết định về việc cho Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại TNG chuyển từ hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm sang hình thức trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, tại TP Thái nguyên số 1712/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên.



- Mức đầu tư: Tổng vốn đầu tư hạ tầng dự kiến 520 tỷ đồng.
- Tiến độ dự án: Công ty đang triển khai giải phóng mặt bằng (đã hoàn thành khoảng 50% diện tích mặt bằng) và thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng trên khu đất đã hoàn tất giải phóng mặt bằng. Hiện nay, chủ đầu tư đang tích cực phối hợp các cấp chính quyền địa phương của TP. Thái Nguyên đẩy nhanh tiến độ thực hiện bố trí tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án.

### 6.1.3 Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Sản phẩm may mặc mang tính thời vụ cao, phụ thuộc vào thời tiết, các sản phẩm may mặc thường được thiết kế phù hợp với thời tiết từng khu vực địa lý và theo từng mùa khác nhau. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải có am hiểu nhất định về thời tiết, khí hậu tại thị trường mà mình muốn kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả cao nhất. Hiện nay hàng may mặc được chia thành 2 mùa chính là: Xuân/Hè và Thu/Đông, trong đó mùa Thu/Đông là mùa sản xuất chính của Công ty.

## 6.2 Sản lượng sản phẩm

### ❖ Sản lượng sản xuất

**Bảng 7: Sản lượng sản xuất theo sản phẩm năm 2023 và năm 2024**

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
1	Áo jacket/Quần Cargo short	chiếc	53.277.167	55.542.985
2	Bông tấm	Yards	8.374.924	9.329.750
3	Thùng carton	m <sup>2</sup>	4.417.525	4.786.477
4	Túi PE, PP	kg	399.535	408.933
5	Giặt công nghiệp	chiếc	7.572.353	7.736.601
6	In công nghiệp	chiếc	7.391.135	9.479.849
7	Thêu công nghiệp	chiếc	5.358.664	5.990.558

Nguồn: TNG

Với việc nhu cầu của khách hàng tăng cao, cùng với năng lực sản xuất và khả năng đáp ứng tiêu chuẩn của TNG ngày càng được cải thiện, sản lượng sản xuất các sản phẩm của TNG liên tục tăng trưởng trong những năm gần đây.

### ❖ Doanh thu, lợi nhuận gộp

**Bảng 8: Doanh thu hợp nhất theo sản phẩm năm 2023\***

T T	Nội dung	Năm 2023	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)

1	Doanh thu bán hàng	5.918.409	83,41
2	Doanh thu gia công	1.099.913	15,50
3	Doanh thu bán sản phẩm thời trang	56.547	0,80
4	Doanh thu bất động sản và dịch vụ khác	20.335	0,29
	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>7.095.205</b>	<b>100</b>
6	Giảm trừ doanh thu	0	0
	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>7.095.205</b>	<b>100</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của TNG

Ghi chú: \* Tại thời điểm 31/12/2024, TNG không có công ty con như trình bày tại mục IV.5.2 Bản Cáo Bạch này. Do vậy, kết thúc năm 2024, TNG chỉ ban hành BCTC riêng của Công ty.

**Bảng 9: Doanh thu theo sản phẩm năm 2023 (Công ty mẹ), năm 2024 và Quý I năm 2025**

T T	Nội dung	Năm 2023		Năm 2024			Quý 1/2025	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng DTT (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng DTT (%)	Tăng (giảm) so với năm 2023 (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng DTT (%)
1	Doanh thu bán hàng	5.918.409	83,38	6.452.738	84,29	9,03	1.492.959	98,83
2	Doanh thu gia công	1.099.913	15,50	1.117.413	14,60	1,59	1.159	0,08
3	Doanh thu bán sản phẩm thời trang	56.547	0,80	6.479	1,03	-88,54	2.992	0,20
4	Doanh thu bất động sản và dịch vụ khác	23.141	0,33	79.123	0,08	241,92	13.536	0,90
5	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>7.098.010</b>	<b>100</b>	<b>7.655.753</b>	<b>100</b>	<b>7,86</b>	<b>1.510.646</b>	<b>100</b>
6	Giảm trừ doanh thu	0	0	0	0	0	0	0
7	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>7.098.010</b>	<b>100</b>	<b>7.655.753</b>	<b>100</b>	<b>7,86</b>	<b>1.510.646</b>	<b>100</b>
8	Doanh thu với bên liên quan	798	0,01	1.412	0,02	76,94	353	0,02

Nguồn: BCTC riêng năm 2023 đã được kiểm toán, BCTC năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2025 của TNG

Trong giai đoạn vừa qua, doanh thu của toàn Công ty luôn tăng trưởng tốt qua từng năm. Cụ



thể, năm 2023 doanh thu thuần đạt 7.098 tỷ đồng tăng trưởng 4,8% so với năm 2022, năm 2024 doanh thu thuần đạt 7.656 tỷ đồng tăng trưởng 7,86% so với năm 2023. Tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần năm 2024 đã cải thiện đáng kể so với năm 2023 do trong năm 2024, TNG tập trung khai thác vào các dòng sản phẩm khó, phức tạp, đồng thời mở rộng thị trường xuất khẩu từ đó dẫn đến tăng trưởng doanh thu. Doanh thu bán hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu thuần của Công ty với khoảng 83%-85% doanh thu thuần. Doanh thu bán hàng chủ yếu đến từ phương thức sản xuất FOB (Free-on-board), Công ty chủ động việc mua nguyên phụ liệu phục vụ cho sản xuất. Mặt khác, doanh thu bán sản phẩm thời trang và doanh thu bất động sản, dịch vụ khác chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ, chỉ khoảng 1% tổng doanh thu của Công ty. Doanh thu gia công (tức doanh thu CMT) có xu hướng giảm tỷ trọng trong tổng doanh thu những năm gần đây thể hiện định hướng phát triển của TNG chuyển đổi dần từ phương thức CMT sang các phân khúc sản xuất mang lại giá trị gia tăng cao hơn. Đối với phương thức sản xuất CMT (Cut-make-trim), Công ty thực hiện các công đoạn cắt may theo thiết kế của khách hàng với nguyên phụ liệu cũng do khách hàng cung cấp. Trong các năm qua, Công ty xác định xu hướng dài hạn là tăng cường chuyển hướng tập trung sang sản xuất các sản phẩm FOB và hướng tới ODM (Original Design Manufacturing) với giá trị gia tăng cao cùng với những đòi hỏi khắt khe, TNG hiện vẫn tập trung mục tiêu gia tăng lợi nhuận, gia tăng giá trị cho cổ đông.

**Bảng 10: Lợi nhuận hợp nhất theo sản phẩm năm 2023\***

T T	Nội dung	Năm 2023	
		Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Lợi nhuận gộp hàng bán	814.737	83,11
2	Lợi nhuận gộp gia công	151.416	15,45
3	Lợi nhuận gộp sản phẩm thời trang đã bán	7.784	0,79
4	Lợi nhuận gộp kinh doanh bất động sản và dịch vụ khác	6.329	0,65
	<b>Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>980.266</b>	<b>100</b>
	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>219.442</b>	

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của TNG*

Ghi chú: \* Tại thời điểm 31/12/2024, TNG không có công ty con như trình bày tại mục IV.5.2 Bản Cáo Bạch này. Do vậy, kết thúc năm 2024, TNG chỉ ban hành BCTC riêng của Công ty.

**Bảng 11: Lợi nhuận theo sản phẩm năm 2023 (công ty mẹ), năm 2024 và Quý I năm 2025**

TT	Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	Quý 1/2025
----	----------	----------	----------	------------

		Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Tăng (giảm) so với năm 2023 (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Lợi nhuận gộp hàng bán	814.737	82,78	971.314	82,18	19,22	227.583	99,01
2	Lợi nhuận gộp gia công	151.416	15,38	168.201	14,23	11,09	161	0,07
3	Lợi nhuận gộp sản phẩm thời trang đã bán	7.784	0,79	975	0,08	-87,47	414	0,18
4	Lợi nhuận gộp kinh doanh bất động sản và dịch vụ khác	10.272	1,04	41.392	3,50	302,96	1.701	0,74
5	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	984.209	100	1.181.883	100	0	229.859	100
6	Lợi nhuận sau thuế	222.362		314.824		41,58	43.319	

Nguồn: BCTC riêng năm 2023 đã được kiểm toán, BCTC năm 2024 đã được kiểm toán, BCTC Quý I năm 2025 của TNG

Lợi nhuận gộp của Công ty chủ yếu đến từ hàng FOB, nguyên nhân của việc này là do TNG đã chủ động chuyển hướng tăng cường bán hàng may mặc, các sản phẩm phục vụ dịch vụ như khẩu trang, đồ bảo hộ dẫn đến tăng mạnh tỷ trọng lợi nhuận mảng bán hàng. Mảng bán hàng cũng là mảng có biên lợi nhuận cao hơn mảng gia công cho các hãng thời trang khác. Biên lợi nhuận gộp năm 2024 là 15,44%, tăng so với biên lợi nhuận gộp năm 2023 (13,87%) và năm 2022 (14,76%). Một trong những nguyên nhân chính dẫn tới biên lợi nhuận tăng trong năm 2024 là do (i) TNG đã tối ưu hóa chi phí, thực hiện nhiều biện pháp cải tiến quy trình sản xuất và quản lý, gia tăng sử dụng máy móc thiết bị tự động, công nghệ AVG robot trong việc điều hành sản xuất; (ii) tập trung vào khai thác các dòng hàng khó, phức tạp đồng thời mở rộng thị trường xuất khẩu để tăng giá trị gia tăng trong sản xuất.

### 6.3. Nguyên vật liệu

#### 6.2.1. Nguồn nguyên vật liệu

Đặc thù hoạt động kinh doanh của TNG là hoạt động sản xuất sản phẩm may mặc xuất khẩu, nên đối với phương thức gia công sản xuất - CMT (Cut-make-trim), TNG thực hiện các công đoạn cắt may theo thiết kế của khách hàng với nguyên phụ liệu cũng do khách hàng cung cấp. Trong khi đó, với phương thức sản xuất FOB (Free-on-board), Công ty chủ động



việc mua nguyên phụ liệu phục vụ cho sản xuất. Nguyên liệu được TNG mua từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước, được sản xuất bằng các công nghệ tiên tiến trên thế giới, an toàn cho môi trường và người sử dụng. TNG lựa chọn nhà cung cấp dựa trên các yếu tố: giá cả cạnh tranh, nhà cung cấp còn phải tuân thủ trách nhiệm xã hội, đáp ứng được các tiêu chí về bảo vệ môi trường theo khuyến cáo, đánh giá của TNG.

**Bảng 12: Nguyên liệu đầu vào chính của TNG**

TT	Nguyên Liệu	Đơn vị	Khối lượng trung bình năm		
			Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Vải các loại	Yard	72.302.583	74.326.598	80.272.726
2	Bông các loại	Yard	6.606.847	6.193.876	6.757.519
3	Chỉ các loại	Cuộn	3.037.936	3.060.462	3.274.694
4	Cúc các loại	Chiếc	104.017.344	106.872.024	114.887.426
5	Khóa các loại	Chiếc	65.896.822	61.785.285	67.283.891
6	Túi các loại	Chiếc	22.574.622	25.210.503	27.529.869
7	Thùng các loại	Chiếc	3.163.395	3.086.231	3.394.854

Nguồn: TNG

Hiện nay, khoảng 60% nguyên vật liệu của Công ty được nhập khẩu bởi các nhà cung cấp nước ngoài. Tỷ trọng nguyên vật liệu dệt may từ Trung Quốc, Hàn Quốc và Hồng Kông, Đài Loan chiếm phần lớn do chất lượng đáp ứng được yêu cầu, chủng loại phong phú và giá cả cạnh tranh. Ngoài ra, Công ty còn nhập nguyên liệu phụ liệu từ các nước khác như Pa-kix-tan, Ma-lay-xi-a,...

**Bảng 13: Danh sách các nhà cung cấp nguyên liệu cho công ty**

STT	Đối tác	Hàng hoá
1	LIBERTY MILLS LTD	Vải chính, vải lót các loại
2	KAI CHERNG ENTER PRICE	Vải chính, phụ liệu các loại
3	REALTY TEXTILE CO., LTD	Vải chính, vải lót các loại
4	JANGKI TEXTILE CO., LTD	Vải chính, vải lót các loại
5	OS – SONG	Vải chính, vải lót các loại
6	FULTIDE ENTERPRISE CO., LTD	Vải chính, vải lót các loại
7.	CÔNG TY TNHH YKK VIỆT NAM	Phụ liệu Khóa
8.	CHI NHÁNH CÔNG TY COATS PHONG PHÚ	Phụ liệu Chỉ
9.	CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT TRẦN HIỆP THÀNH	Vải chính, vải lót các loại
10.	CÔNG TY CỔ PHẦN SX&TM VIỆT HÀN TLP	Sơ bông

Nguồn: TNG

TNG tự chủ hoàn toàn được nguồn cung bông tám giúp Công ty chủ động hơn trong thời

gian sản xuất. Bông tấm sản xuất ra chủ yếu được dùng trong may áo Jacket (chiếm khoảng 18% nguyên vật liệu) cho khách hàng lớn nhất của TNG là Decathlon (khoảng 30% doanh thu). Việc tự sản xuất được bông tấm này giúp TNG tiết kiệm thời gian vận chuyển và tự chủ được thời gian sản xuất. Bên cạnh đó, TNG tiếp tục nâng cao năng lực sản xuất bông tấm thông qua đầu tư thêm dây chuyền bông số 3 ở dự án Phú Bình, tổng công suất hiện nay đạt khoảng 13 triệu mét/năm, đủ đáp ứng nhu cầu khoảng 10 triệu mét/năm của doanh nghiệp. Sản lượng bông thừa ra được TNG bán trực tiếp cho nhà máy Decathlon ở Ấn Độ, tuy nhiên, doanh thu đóng góp chưa đáng kể (khoảng dưới 1%).

**Bảng 14: Phế phẩm TNG thu gom và chuyển giao phế liệu cho đơn vị khác tái chế**

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Giấy vụn	kg	363.000	3.517.114	3.824.492
2	Bông vụn	kg			
3	Vải thừa	kg			
4	Nilon	kg			
5	Chỉ dờ	kg			

Nguồn: TNG

TNG đã chỉ đạo sử dụng tối đa nguyên liệu nhập đầu vào, đồng thời các nguyên liệu không sử dụng lại được sẽ được thu gom làm nguyên liệu cho các sản phẩm khác (bông vụn, sản phẩm vải dờ dang được sử dụng làm nguyên liệu đầu vào làm thú nhồi bông; giấy vụn, bìa carton được thu gom sử dụng tạo ra các loại sản phẩm giấy khác; nilon, lõi cuộn chỉ bằng nhựa được thu thập lại tái chế các loại nhựa,...) tạo nên vòng đời sản phẩm mới. Khi xu thế tái chế ngày càng được đánh giá cao và được nhiều quốc gia trên thế giới quan tâm thì việc các doanh nghiệp sản xuất như ngành may mặc chú trọng tận dụng các nguyên liệu dư thừa để tạo ra sản phẩm mới là hành động góp phần tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường. TNG đã và đang tiếp tục đầu tư nghiên cứu và tận dụng phế liệu, phế phẩm (giấy vụn, bông vụn, vải thừa, nilon, chỉ dờ, thành phẩm vải dờ dang...) xử lý tái chế làm nguyên liệu cho sản phẩm khác.

#### 6.2.2. Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu

Trong suốt những năm qua, TNG đã hợp tác và xây dựng được mối quan hệ truyền thống ổn định với các nhà cung cấp từ Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan ... Đồng thời để tiếp cận các thị trường này, Công ty có người đại diện tại các thành phố Thượng Hải, Trung Quốc để tìm nguồn, kiểm tra chất lượng, tiến độ và giá cả nhằm chủ động nguồn nguyên, phụ liệu kịp thời cho sản xuất.



Mặc dù nguồn cung nguyên liệu trong nước không sẵn (phần lớn nguyên phụ liệu ngành dệt may phải nhập khẩu) song nguồn cung từ các nước như Trung Quốc, Đài Loan ... lại khá dồi dào, phong phú và giá cả hợp lý và rất cạnh tranh. Ngoài ra đây đều là những thị trường có ngành may mặc khá phát triển, vị trí địa lý lại khá thuận lợi nên việc tiếp cận các nguồn cung này khá dễ dàng. Nhờ xây dựng được quan hệ tốt với các nhà cung cấp, TNG đã tìm kiếm được nguồn nguyên vật liệu đáp ứng nguyên phụ liệu cần thiết cho hoạt động sản xuất.

### 6.2.3. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu và lợi nhuận của ngành may mặc là một yếu tố quan trọng và có tác động sâu rộng. Ngành may mặc phụ thuộc vào nguyên vật liệu đầu vào như vải, chỉ, cúc, khóa, và các phụ kiện khác để sản xuất ra sản phẩm. Khi giá của các nguyên vật liệu này thay đổi, sẽ dẫn đến sự thay đổi trong chi phí sản xuất và cuối cùng ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp trong ngành.

Trong ngành may mặc, chi phí nguyên phụ liệu chiếm từ 60-70% tổng chi phí sản xuất. Khi giá nguyên vật liệu tăng, chi phí sản xuất tăng lên, trực tiếp ảnh hưởng đến biên lợi nhuận. Với các hợp đồng đã ký kết, doanh nghiệp khó có thể chuyển phần chi phí tăng thêm này sang khách hàng, từ đó làm giảm lợi nhuận kinh doanh.

Nguồn nguyên liệu của ngành may mặc Việt Nam phần lớn phải nhập khẩu (bông, sợi, vải...), khiến giá cả phụ thuộc vào thị trường quốc tế. Các yếu tố như xung đột chính trị, lạm phát, chi phí vận chuyển tăng có thể làm giá nguyên vật liệu dao động mạnh. Nguyên vật liệu từ Trung Quốc và các quốc gia khác thường được thanh toán bằng USD. Khi tỷ giá USD/VND tăng, chi phí nhập khẩu tăng, gây áp lực lên giá thành sản xuất.

Để có thể giảm thiểu và hạn chế rủi ro khi giá cả tăng cao, TNG đã đầu tư vào sản xuất nguyên phụ liệu trong nước để giảm phụ thuộc nhập khẩu và giảm tác động từ biến động tỷ giá và giảm sự phụ thuộc vào nguồn cung nguyên phụ liệu từ nước ngoài, bằng cách mở rộng các nhà cung cấp trong nước và đầu tư vào các nhà máy phụ trợ của Công ty.

### 6.3. Chi phí sản xuất

**Bảng 15: Cơ cấu chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố năm 2023 (hợp nhất)\***

Khoản mục	Năm 2023	
	Giá trị (triệu đồng)	% Doanh thu
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.594.658	50,66
Chi phí nhân công	2.144.960	30,23
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	220.618	3,11

Khoản mục	Năm 2023	
	Giá trị (triệu đồng)	% Doanh thu
Chi phí dịch vụ mua ngoài	285.376	4,02
Chi phí dự phòng	941	0,01
Chi phí bằng tiền khác	244.922	3,45
<b>Tổng</b>	<b>6.491.475</b>	<b>91,49</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của TNG

Ghi chú: \* Tại thời điểm 31/12/2024, TNG không có công ty con như trình bày tại mục IV.5.2 Bản Cáo Bạch này. Do vậy, kết thúc năm 2024, TNG chỉ ban hành BCTC riêng của Công ty.

**Bảng 16: Cơ cấu chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố năm 2023 (công ty mẹ), năm 2024 và Quý I năm 2025**

Khoản mục	Năm 2023		Năm 2024			Quý I/2025	
	Giá trị (triệu đồng)	% Doanh thu	Giá trị (triệu đồng)	% Doanh thu	% tăng (giảm) so với năm 2023	Giá trị (triệu đồng)	% Doanh thu
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.594.658	50,64	4.058.458	53,01	12,90	755.576	53,33
Chi phí nhân công	2.141.784	30,17	2.304.086	30,10	7,58	448.244	31,64
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	221.057	3,11	235.062	3,07	6,34	44.491	3,14
Chi phí dịch vụ mua ngoài	286.372	4,03	311.071	4,06	8,62	57.669	4,07
Trích lập dự phòng	941	0,01	9.081	0,12	864,96	921	0,07
Chi phí bằng tiền khác	94.034	1,32	125.542	1,64	33,51	22.175	1,56
<b>Tổng</b>	<b>6.338.846</b>	<b>89,30</b>	<b>7.043.299</b>	<b>92,00</b>	<b>11,11</b>	<b>1.782.887</b>	<b>93,80</b>

Nguồn: BCTC riêng năm 2023 đã được kiểm toán, BCTC năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC

Quý I năm 2025 của TNG



**Bảng 17: Cơ cấu chi phí theo hoạt động kinh doanh năm 2023 (công ty mẹ), năm 2024 và Quý I năm 2025**

CHỈ TIÊU	Năm 2023		Năm 2024			Quý I/2025	
	Giá trị (triệu đồng)	% Doanh thu	Giá trị (triệu đồng)	% Doanh thu	% tăng (giảm) so với năm 2023	Giá trị (triệu đồng)	% Doanh thu
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	6.113.801	86,13	6.473.870	84,56	5,89	1.280.787	84,78
Chi phí tài chính	325.693	4,59	371.106	4,85	13,94	78.710	5,21
- Trong đó: Chi phí lãi vay	192.360	2,71	184.426	2,41	-4,12	52.351	3,47
Chi phí bán hàng	101.717	1,43	110.513	1,44	8,65	14.583	0,97
Chi phí quản lý doanh nghiệp	358.408	5,05	424.455	5,54	18,43	105.895	7,01
Chi phí khác	21.033	0,30	11.918	0,16	-43,34	365	0,02
<b>Tổng Chi phí</b>	<b>6.920.652</b>	<b>97,50</b>	<b>7.391.861</b>	<b>96,55</b>	<b>6,81</b>	<b>1.480.340</b>	<b>97,99</b>

*Nguồn: BCTC riêng năm 2023 đã được kiểm toán, BCTC năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2025 của TNG*

So với năm 2023, năm 2024 Công ty ghi nhận mức tăng doanh thu thuần 7,86%, tuy nhiên chi phí cũng tăng tương ứng khiến biên lợi nhuận cải thiện không đáng kể. Giá vốn hàng bán tăng 5,89% nhưng tỷ trọng giá vốn hàng bán/doanh thu giảm nhẹ từ 86,13% xuống 84,56%, cho thấy biên lợi nhuận gộp có cải thiện. Chi phí tài chính tăng 13,94%, chủ yếu do các khoản chi ngoài lãi vay, làm tăng áp lực chi phí. Đồng thời, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mạnh 18,43% so với cùng kỳ năm 2023, khiến tỷ trọng doanh thu thuần tăng từ 5,05% lên 5,54%. Trong khi đó, chi phí bán hàng và chi phí khác được kiểm soát tốt, chỉ tăng nhẹ hoặc giảm so với năm trước. Nhìn chung, hiệu quả hoạt động của TNG có cải thiện về mặt biên lợi nhuận gộp nhưng việc gia tăng chi phí tài chính và quản lý làm ảnh hưởng tới khả năng tốc độ gia tăng biên lợi nhuận.

#### 6.4 Trình độ công nghệ

Trong các năm qua, TNG đã tập trung đầu tư chiều sâu cho các chi nhánh may cũng như đầu tư theo định hướng mặt hàng, nguồn hàng. Công ty đã trang bị các thiết bị chuyên dùng tự động tiên tiến, hiện đại để nâng cao năng suất và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách



hàng. Vì vậy, đến nay các chi nhánh may đã được đầu tư nhiều máy móc thiết bị may các loại (từ máy 1 kim, 2 kim đến các máy chuyên dùng như máy 1 kim điện tử tốc độ cao, máy mổ túi, máy tra tay áo, máy tự động cắt chỉ, tự động lại mũi, cố định mũi may, máy ép seam, máy cộp nhiệt), một số các thiết bị này được đầu tư đồng bộ từ khâu giác sơ đồ đến khâu trái vải, cắt, may và hoàn tất trong đó có một số công đoạn được trang bị khá hiện đại tầm cỡ khu vực và thế giới như thiết bị giác sơ đồ, trái vải, hoàn tất và một số dây chuyền sản xuất may mặc với quy trình công nghệ khép kín và hiện đại.

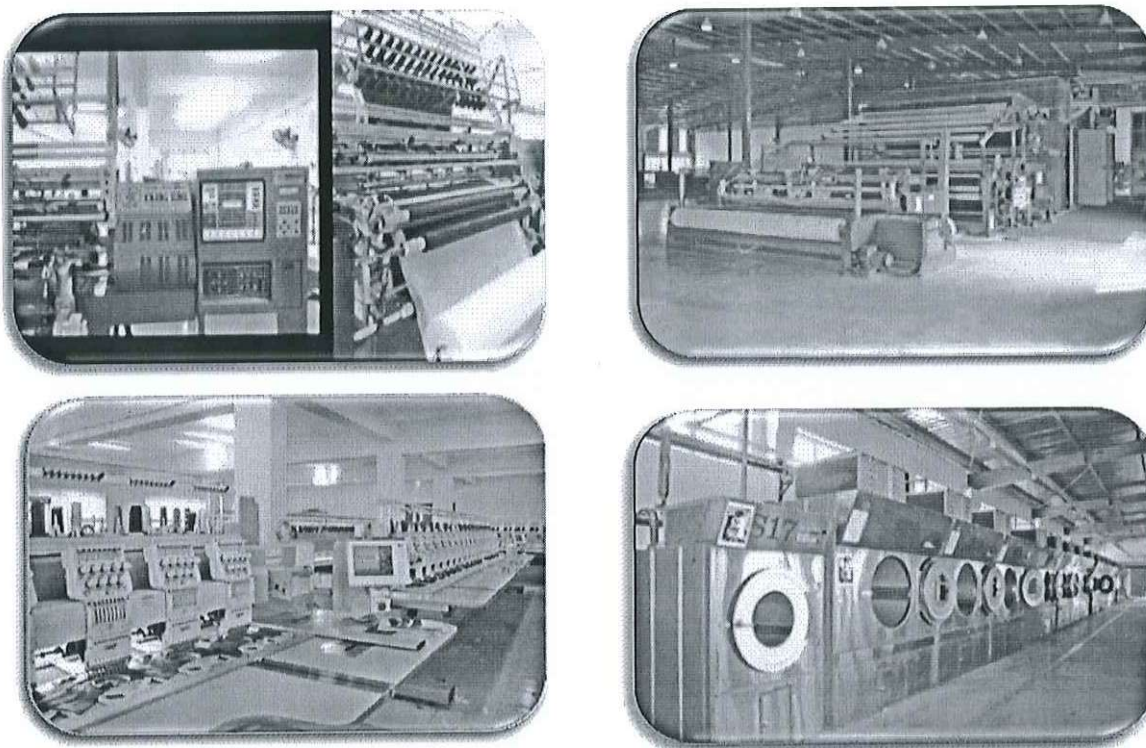
Khâu thiết kế, nhẩy cỡ và giác sơ đồ đã được thực hiện hoàn toàn trên máy vi tính với sự hỗ trợ của phần mềm vi tính như Gerber/lextra. Khâu xây dựng quy trình công nghệ và thiết kế dây chuyền đã được thực hiện đối với tất cả các mã hàng trước khi sản xuất để đảm bảo tăng năng suất lao động và làm cơ sở cho việc tính đơn giá tiền lương. Từ sự đầu tư trên đã mang lại một bộ mặt mới khởi sắc cho các đơn vị trong việc chủ động được nguồn hàng, khách hàng để chuyên môn hóa sản xuất và mặt khác là đã giúp cho các đơn vị nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm tăng thêm uy tín với khách hàng cũng như phát huy được lợi thế cạnh tranh và từ đó thay đổi và phát huy được quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm; việc xây dựng quy trình công nghệ cho từng sản phẩm đã được chuyên môn hóa cao ở những khâu trọng yếu.

Ngày 1/2/2022, TNG thành lập Chi nhánh Giải pháp công nghệ TRE với dự án Giải pháp quản trị và điều hành thông minh cho ngành may. Trong năm 2023, TRE đã thực hiện triển khai dự án với 10 khách hàng, tiến hành nâng cấp các phân hệ điều hành, thêm 8 dự án mới nổi bật trong đó: giao việc tự động, đặt hàng tự động, App kiểm tra mác, Dự án phần mềm nhân sự mới, dự án quản lý tài sản. Tháng 5/2023, Chi nhánh TOT (công nghệ tự động hóa TNG) được thành lập với vai trò sẽ mở rộng, tăng cường triển khai nghiên cứu, thiết kế chế tạo sản phẩm tự động hóa Công nghệ cao lĩnh vực may mặc hướng tới mục tiêu trở thành đơn vị cung cấp giải pháp, thiết kế chế tạo máy tự động cho ngành dệt may.

Năm 2024, TNG tăng cường triển khai nghiên cứu, thiết kế chế tạo sản phẩm tự động hóa Công nghệ cao lĩnh vực may mặc hướng tới mục tiêu biểu có thể kể đến: App QR Leader (tự động thông báo cho các bộ phận liên quan khi gặp lỗi chất lượng, đồng thời tự động gợi ý giải pháp sửa lỗi), kết nối dữ liệu với nhà cung cấp, module hoàn thuế xuất nhập khẩu (tự động truy vết vật tư và tính tiền thuế, theo dõi và tổng hợp công tác hoàn thuế xuất nhập khẩu) và module quản lý cán bộ (tự động hóa quy trình quản lý, quản lý thông tin nhân sự tập trung và hỗ trợ quy hoạch nguồn nhân lực chiến lược).



Hình 6: Hình ảnh về một số máy móc thiết bị của công ty



Nguồn: TNG

Song song với việc đổi mới công nghệ sản xuất, công ty cũng không ngừng nâng cao công nghệ trong quản lý và điều hành. Công ty đã đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý điều hành sản xuất để tăng tính chủ động, tính chính xác và kịp thời trong quản lý sản xuất. Với lĩnh vực dịch vụ, công ty đã áp dụng hệ thống thanh toán các đơn hàng xuất khẩu qua thẻ của hệ thống các ngân hàng lớn tại nước ngoài.

Bảng 18: Một số phần mềm ứng dụng tại công ty

STT	Tên phần mềm	Lĩnh vực ứng dụng
1	Bravo	Quản lý công tác hành chính kế toán, bán hàng
2	ERP TNG	Quản lý vật tư
3	ERP TNG	Quản lý chấm công
4	ERP TNG	Quản lý nhân sự tiền lương
5	ERP TNG	Quản lý Dự toán xây dựng cơ bản
6	ERP TNG	Quản lý và điều hành quá trình sản xuất
7	MD – Modepro – V5R2	Nhập mẫu, thiết kế, nhẩy cỡ
8	DN – Markpack – V5R2	Giác sơ đồ
9	Accumark	Nhập mẫu, thiết kế, giác sơ đồ
10	Phần mềm Clo 3D	Fit mẫu trên manocanh ảo, phối màu, trình diễn catwalk. Điều chỉnh kích thước, chất liệu sản phẩm, màu sắc theo nhu cầu từ phía khách hàng
11	Phần mềm văn phòng số	Quản lý văn bản, chứng từ và các nghiệp vụ văn phòng



STT	Tên phần mềm	Lĩnh vực ứng dụng
12	Phần mềm Kho phụ liệu thông minh	Quản lý đơn hàng xuất nhập kho
13	Phần mềm Kết nối dữ liệu với khách hàng	Quản lý đơn hàng xuất kho, hàng tồn, thông tin sản phẩm xuất đi cho khách hàng
14	PMS	Quản lý dự toán, thanh quyết toán các công trình
15	Gerber; Browzwear	Thiết kế mẫu áo 3D
16	ECUS	Kết nối dữ liệu hải quan

Nguồn: TNG

### 6.5 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

- Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng: Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, Hệ thống quản lý an toàn cho sản phẩm y tế ISO 13485:2016.
- Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty: Phòng quản lý chất lượng chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

#### ❖ Quản trị hệ thống đánh giá quản lý chất lượng (SQP)

- Xây dựng quy trình, đánh giá, giám sát hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn của công ty và tiêu chuẩn khách hàng;
- Đảm bảo hệ thống đánh giá quản lý chất lượng đạt theo tiêu chuẩn đánh giá của khách hàng;
- Đào tạo, giám sát các đơn vị, nhân viên (SQP) thực hiện theo quy trình hệ thống đánh giá quản lý chất lượng;
- Giám sát thực hiện quy trình và đề xuất khen thưởng hoặc kỷ luật các bộ phận không tuân thủ quy trình mà phòng tham mưu.

#### ❖ Quản trị hệ thống kiểm soát chất lượng sản phẩm (QA)

- Xây dựng quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của từng khách hàng;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình của các chi nhánh đảm bảo việc tuân thủ và thực hiện theo quy trình khách hàng và công ty quy định;
- Phân tích chỉ số chất lượng và đưa cảnh báo đối với các đơn vị có nguy cơ rủi ro về chất lượng sản phẩm trước khi xuất hàng;
- Báo cáo phân tích đánh giá chỉ số chất lượng của các chi nhánh, từng khách hàng, từng nhà cung cấp;
- Đào tạo, giám sát định kỳ cho các đơn vị, nhân viên QA/QC thực hiện theo quy trình hệ thống quản lý chất lượng;
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu/nhập liệu chỉ tiêu chất lượng trên phần mềm;
- Giám sát thực hiện quy trình và đề xuất Khen thưởng hoặc kỷ luật các bộ phận không tuân thủ quy trình mà phòng tham mưu.



❖ **Quản trị hệ thống Lab (Chi nhánh Lab - Trung tâm thử nghiệm TNG)**

- Quản trị hệ thống Lab, xây dựng quy trình, đánh giá, giám sát hệ thống quản lý đạt theo tiêu chuẩn khách hàng tại công ty;
- Xây dựng bộ tiêu chuẩn test nguyên phụ liệu đầu vào phù hợp với tiêu chuẩn của khách hàng, của ngành dệt may Việt Nam;
- Xây dựng các bộ tiêu chuẩn Test cho các sản phẩm công nghệ, phù hợp với tiêu chuẩn ngành trong nước và quốc tế;
- Giám sát việc thực hiện quy trình của các phòng Lab thành viên tại các chi nhánh đảm bảo việc tuân thủ và chất lượng mẫu Test (Thử nghiệm) theo quy trình Lab;
- Đảm bảo mẫu đạt tiêu chuẩn, phương pháp thử nghiệm, đạt chứng nhận theo tiêu chuẩn của khách hàng;
- Quản lý, vận hành trực tiếp phòng Lab (thử nghiệm) tại các khu vực Sông Công, Phú Bình;
- Đào tạo, giám sát định kỳ các đơn vị thực hiện theo tiêu chuẩn khách hàng, công ty quy định;
- Phân tích chỉ số, chỉ tiêu, phương pháp Test và cập nhật các thông tin, theo định kỳ, theo tiêu chuẩn ngành;
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu/nhập liệu chỉ tiêu Lab trên phần mềm Module chất lượng;
- Giám sát thực hiện quy trình và đề xuất hình thức Khen thưởng hoặc kỷ luật các bộ phận không tuân thủ quy trình mà phòng tham mưu.

**6.6 Hoạt động Marketing**

Hiện nay, Công ty xác định thị trường xuất khẩu vẫn là chủ lực. Tuy nhiên để tránh việc quá phụ thuộc vào thị trường Hoa Kỳ, Công ty sẽ đẩy mạnh phát triển thị trường Châu Âu, Đông Âu, Mê-xi-cô và Nam Mỹ. Đồng thời, Công ty sẽ tăng cường tiếp cận, mở rộng và từng bước thâm nhập vào thị trường nội địa.

Đối với khách hàng truyền thống, Công ty luôn duy trì và không ngừng củng cố, phát triển mối quan hệ với khách hàng truyền thống để khách hàng luôn cảm thấy hài lòng với các sản phẩm, dịch vụ của Công ty. Hàng năm, Công ty đều tổ chức gặp gỡ, trao đổi đánh giá quá trình làm việc trong năm để lắng nghe ý kiến phản hồi của khách hàng, từ đó rút kinh nghiệm cho giai đoạn tiếp theo.

Để tiếp cận các khách hàng mới, nhất là tại thị trường xuất khẩu, Công ty cũng thường xuyên tham gia các hội chợ quốc tế (như hội chợ hàng dệt may tại Hoa Kỳ, Đức, Trung Quốc, Liên Bang Nga ...) và các chương trình xúc tiến thương mại cấp Quốc gia, các

chương trình liên kết với Vinatex và Vitas, các hội thảo về dệt may và xuất khẩu tổ chức tại Hà Nội, các đơn vị trong ngành.

#### 6.7 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Nhãn hiệu thương mại của Công ty là TNG đã được đăng ký với cơ quan hữu quan. Ngoài ra, với vị thế và uy tín của TNG đã được các khách hàng tín nhiệm ủy quyền sản xuất các nhãn hiệu như: The Childrensplace, Columbia Sport wear, Lolitog, Target,...

Công ty đã đăng kí Logo TNG tại Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam.

TNG

#### 6.8 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

**Bảng 19: Một số hợp đồng đã được ký kết hoặc đang thực hiện**

TT	Hợp đồng	Tên đối tác	Tên sản phẩm dịch vụ (đầu ra/đầu vào)	Thời hạn hợp đồng		Tổng giá trị hợp đồng (tỷ đồng) (nếu có)	Mối quan hệ với cổ đông nội bộ và cổ đông lớn
				Bắt đầu	Kết thúc		
I	Hợp đồng đầu ra						
1	01-TNG/TCP 2024	The Children’s Place services company, LLC	Quần áo	01/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
2	SM23/1040-AW25	“Sportmaster” Ltd	Quần áo	04/12/2023	04/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
3	01/IFG-TNG/2024	IFG Corp	Quần áo	02/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
4	01/HADDAD-TNG/2024	THE HADDAD APPAREL GROUP, LTD	Quần áo	01/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
5	01/ASM-TNG/2024	ASMARA INTERNATIONAL LIMITED	Quần áo	03/01/2024	03/01/2025	Hợp đồng nguyên tắc	Không
6	01/CS-TNG/2024	Columbia Sportswear Company	Quần áo	20/02/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
7	TNG 01 –	COMTRADIN	Quần áo	01/01/2024	31/12/2024	Hợp	Không



TT	Hợp đồng	Tên đối tác	Tên sản phẩm dịch vụ (đầu ra/đầu vào)	Thời hạn hợp đồng		Tổng giá trị hợp đồng (tỷ đồng) (nếu có)	Mối quan hệ với cổ đông nội bộ và cổ đông lớn
				Bắt đầu	Kết thúc		
	COM/24	G APPAREL DMCC				đồng nguyên tắc	
8	01/2024-TNG/SHENDA	SHANGHAI SHENDA IMP. & EXP. CO., LTD	Quần áo	04/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
9	DIA23/TNG	DIASTAR GENERAL TRADING LLC	Quần áo	19/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
10	01/C&A - TNG/2024	C&A BUYING GmbH & CO.KG	Quần áo	01/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
11	01/ASM-TNG/2025	ASMARA INTERNATIONAL LIMITED	Quần áo	02/01/2025	03/01/2026	Hợp đồng nguyên tắc	Không
12	01-TNG/TCP 2025	The Children's Place services company, LLC	Quần áo	01/01/2025	31/12/2025	Hợp đồng nguyên tắc	Không
13	01/IFG-TNG/2025	IFG Corp	Quần áo	02/01/2025	31/12/2025	Hợp đồng nguyên tắc	Không
14	01/HADDAD-TNG/2025	THE HADDAD APPAREL GROUP, LTD	Quần áo	02/01/2025	31/12/2025	Hợp đồng nguyên tắc	Không
<b>II</b>	<b>Hợp đồng đầu vào</b>						
1	HN 043/24 - DOM HANAM	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN YKK VIỆT NAM – CHI NHÁNH HÀ NAM	Khóa	01/04/2024	31/03/2025	Hợp đồng nguyên tắc	Không
2	2024/VH-TNG	Công ty CP SX&TM Việt Hàn TLP	Sơ bông	01/12/2023	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
3	01/TNG-TD/2024	Công ty TNHH Sản xuất và	Chỉ	02/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng	Không

TT	Hợp đồng	Tên đối tác	Tên sản phẩm dịch vụ (đầu ra/đầu vào)	Thời hạn hợp đồng		Tổng giá trị hợp đồng (tỷ đồng) (nếu có)	Mối quan hệ với cổ đông nội bộ và cổ đông lớn
				Bắt đầu	Kết thúc		
		Thương mại Trung Dũng				nguyên tắc	
4	APP/LO/2024/120021	Chi nhánh công ty TNHH Coats Phong Phú	Chỉ	02/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
5	1-2024/TNG – AVERY DENNISON	Cty TNHH Avery Dennison Ris Việt Nam	Mác	02/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
6	01-2023/BUVN-TNG	CÔNG TY TNHH BUILD - UP VIỆT NAM CHI NHÁNH 2	Móc treo	05/09/2023	05/09/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
7	IN 07/TNG-BM/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN VP BÌNH MINH	In	04/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
8	TNG/MA-2024	Cty TNHH Mainetti (Việt Nam)	Móc treo	02/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
9	MX-TNG-01-2024	Công ty TNHH nhãn mác và bao bì Maxim Việt Nam	Mác	02/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
10	01/THT-TNG(DC)/2024	Công ty cổ phần dệt Trần Hiệp Thành	Vải	02/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
11	HN061/25-DOM HANAM	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN YKK VIỆT NAM – CHI NHÁNH HÀ NAM	Khóa	01/04/2025	31/03/2026	Hợp đồng nguyên tắc	Không
12	01/TNG-VH/2025	Công ty CP SX&TM Việt Hàn TLP	Sơ bông	01/01/2025	31/12/2025	Hợp đồng nguyên tắc	Không
13	01/TNG-TD/2025	Công ty cổ phần Sản xuất và đầu tư Trung Dũng	Chỉ	02/01/2025	31/12/2025	Hợp đồng nguyên tắc	Không
14	1-2025/TNG –	Cty TNHH	Mác	02/01/2025	31/12/2025	Hợp	Không



TT	Hợp đồng	Tên đối tác	Tên sản phẩm dịch vụ (đầu ra/đầu vào)	Thời hạn hợp đồng		Tổng giá trị hợp đồng (tỷ đồng) (nếu có)	Mối quan hệ với cổ đông nội bộ và cổ đông lớn
				Bắt đầu	Kết thúc		
	AVERY DENNISON	Avery Dennison Ris Việt Nam				đồng nguyên tắc	

Nguồn: TNG

## 7. Kết quả hoạt động kinh doanh

### 7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niên Yết trong 02 năm gần nhất

**Bảng 20: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của năm 2023 (công ty mẹ), năm 2024 và Quý I năm 2025**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng (giảm) năm 2024/2023 (%)	Quý I năm 2025
Tổng giá trị tài sản	5.147.382	5.816.875	13,01	6.151.960
Vốn chủ sở hữu	1.726.311	1.892.421	9,62	1.886.700
Doanh thu thuần	7.098.010	7.655.753	7,86	1.510.646
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	292.017	400.866	37,27	53.677
Lợi nhuận khác	-18.021	-10.387	-42,36	-197
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	273.997	390.479	42,51	53.480
Lợi nhuận sau thuế	222.362	314.824	41,58	43.319
Tỷ lệ chi trả cổ tức	16%	16%	0	
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	13,26%	17,83%	28,58	2,30%

Nguồn: BCTC riêng năm 2023 đã được kiểm toán, BCTC năm 2024 đã được kiểm toán và

BCTC Quý I năm 2025 của TNG

Trong giai đoạn 2023–2024, Công ty ghi nhận tăng trưởng tích cực với tổng tài sản tăng 13,01%, vốn chủ sở hữu tăng 9,62%. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính của TNG năm 2024 tăng trưởng xấp xỉ 8% nhờ việc tập trung vào khai thác các dòng hàng khó, phức

tập cũng như mở rộng thị trường xuất khẩu, các đơn hàng xuất khẩu sang các thị trường mới đã đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng doanh thu. Bên cạnh đó, lợi nhuận kế toán sau thuế của TNG trong năm 2024 tăng hơn 92 tỷ đồng tương ứng với tốc độ tăng trưởng 41,58% so với cùng kỳ năm 2023. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2024 tăng 37% và lợi nhuận trước thuế tăng 42,51% so với cùng kỳ năm trước. Từ đó cho thấy tốc độ tăng trưởng lợi nhuận cao hơn nhiều so với mức tăng trưởng doanh thu, biên lợi nhuận của Công ty đã được cải thiện đáng kể. Yếu tố thúc đẩy tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của TNG chủ yếu đến từ việc TNG đã thực hiện nhiều biện pháp cải tiến quy trình sản xuất và quản lý giúp tối ưu hóa chi phí nguyên vật liệu và chi phí sản xuất trong năm 2024, từ đó gia tăng hiệu quả kinh doanh như việc: tăng sử dụng máy móc thiết bị tự động, công nghệ AVG, robot trong việc điều hành sản xuất. Nhờ vào việc đầu tư vào công nghệ và đào tạo nhân lực, năng suất lao động của Công ty đã được nâng cao, giảm thiểu lãng phí nguồn nhân lực và tăng hiệu quả sản xuất.

Trong Quý I/2025, tổng tài sản tiếp tục tăng lên 6.152 tỷ, tăng 5,76% so với cuối năm 2024 cho thấy tốc độ mở rộng quy mô tài sản vẫn duy trì ổn định. Doanh thu thuần Quý 1 năm 2025 của TNG là 1.511 tỷ, tăng 11,63% so với cùng kỳ năm trước.

**Bảng 21: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty hợp nhất năm 2023\***

*Đơn vị: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2023
Tổng giá trị tài sản	5.230.414
Vốn chủ sở hữu	1.854.901
Doanh thu thuần	7.095.205
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	291.963
Lợi nhuận khác	-20.897
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	271.066
Lợi nhuận sau thuế	219.442
Tỷ lệ chi trả cổ tức	16%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	12,52%

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của TNG*

Ghi chú: \* Tại thời điểm 31/12/2024, TNG không có công ty con như trình bày tại mục IV.5.2 Bản Cáo Bạch này. Do vậy, năm 2024, TNG chỉ ban hành BCTC riêng của Công ty.

❖ Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính: không có.



## 7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

### ❖ Thuận lợi:

- Sự thông thoáng hơn của nền kinh tế đã thúc đẩy các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư vào Việt Nam, trong đó có ngành cung ứng nguyên phụ liệu dệt may, đây chính là tiền đề thuận lợi để Công ty chủ động phát triển kinh doanh theo hình thức FOB;
- Năm 2023 và năm 2024, TNG thành lập Chi nhánh Giải pháp công nghệ TRE với dự án Giải pháp quản trị và điều hành thông minh cho ngành may, chi nhánh Lab, Phòng Robot TNG với Đội ngũ kỹ sư tinh nhuệ đã cho ra đời 25 thiết kế với 10 máy móc tự động đã được áp dụng tại nhiều chi nhánh; thành lập chi nhánh TOT để mở rộng, tăng cường triển khai nghiên cứu, thiết kế chế tạo sản phẩm tự động hóa Công nghệ cao lĩnh vực may mặc hướng tới mục tiêu trở thành đơn vị cung cấp giải pháp, thiết kế chế tạo máy tự động cho ngành dệt may.
- Hiệp định thương mại tự do EVFTA được ký kết và chính thức có hiệu lực đầu năm 2020 được dự đoán là một cơ hội lớn đối với các sản phẩm xuất khẩu của công ty sang thị trường chủ lực là Châu Âu trong tương lai khi thuế suất được giảm về 0%;
- Hiện tại, TNG đang sử dụng hơn 19.000 lao động trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Việc sử dụng số lượng lao động lớn như vậy tạo điều kiện cho đơn vị Xã, Huyện, Tỉnh giảm tỷ lệ thất nghiệp, giảm chi tiêu hộ nghèo nên công ty được chính quyền các cấp ủng hộ, tạo điều kiện;
- Với kết quả kinh doanh tốt hơn trong các năm qua, ngoài nguồn vốn dồi dào từ ngân hàng, công ty cũng đã thu hút được nhiều nguồn tài trợ từ các nhà đầu tư tổ chức nước ngoài qua hình thức phát hành trái phiếu phục vụ mục đích mở rộng sản xuất kinh doanh.

### ❖ Khó khăn:

- Yêu cầu sản phẩm ngày một khắt khe từ các thị trường xuất khẩu lớn như EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản,...;
- Ngành dệt và công nghiệp phụ trợ của Việt Nam chưa phát triển tương ứng nên hoạt động sản xuất của doanh nghiệp bị phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu;
- Với việc đang ngày càng nhiều doanh nghiệp sản xuất với quy mô lớn đặt nhà máy trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đặt ra những thách thức không nhỏ đối với công ty trong công tác tuyển dụng và giữ chân lao động. Theo đó, công ty cần phải không ngừng nâng cao môi trường làm việc và chính sách lao động để thu hút nguồn lao động chất lượng cao cho sự phát triển trong tương lai;
- Sự cạnh tranh gay gắt từ các nước xuất khẩu dệt may khác như Trung Quốc, Ấn Độ,... là những nước có nhiều lợi thế hơn về thị trường, nguyên phụ liệu,... không chỉ đe dọa thị trường xuất khẩu mà còn chiếm lĩnh cả thị trường nội địa;
- Rào cản thương mại tại các nước xuất khẩu lớn đang được vận dụng ngày càng tinh vi, gây



khó khăn cho quá trình xuất khẩu của công ty;

- Diễn biến cuộc xung đột Nga – Ukraine vẫn diễn ra phức tạp, Làm phát tại các thị trường xuất khẩu chính và căng thẳng thuế quan từ Mỹ gây ảnh hưởng không nhỏ đến đơn hàng và đơn giá của doanh nghiệp.

## 8. Vị thế của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết trong ngành

### 8.1 Vị thế của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết trong ngành

Ngành hàng dệt may là một trong những ngành chủ đạo của công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, liên quan đến các khâu sản xuất sợi, dệt nhuộm, vải, thiết kế sản phẩm, hoàn tất hàng may mặc và phân phối hàng may mặc đến tay người tiêu dùng. Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG tập trung hoạt động sản xuất từ khâu may hàng hóa cho đến khâu phân phối đến người tiêu dùng.

TNG từng là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, được thành lập từ năm 1979 khi nền kinh tế Việt Nam đang còn là nền kinh tế tập trung với tên gọi Xí nghiệp may Bắc Thái. Với bề dày lịch sử phát triển, Công ty đã phát triển bền vững trong suốt những năm qua. Năm 2003, TNG được phép cổ phần hóa và trở thành doanh nghiệp ngoài Quốc doanh thuộc sở hữu tư nhân. Đến năm 2007, Công ty được phép niêm yết trên sàn giao dịch HNX. Hiện nay, TNG nằm trong top 10 doanh nghiệp tiêu biểu toàn diện ngành may Việt Nam – theo Giải thưởng Doanh nghiệp tiêu biểu ngành Dệt may, được tổ chức 3 năm một lần do Bộ Công thương chủ trì và Hiệp hội Dệt may Việt Nam thực hiện.

Theo Hiệp hội Dệt may Việt Nam, TNG là một trong những doanh nghiệp may mặc xuất khẩu hàng đầu Việt Nam. Công ty đang có thế mạnh lớn khi các hợp đồng gia công quốc tế cho các nhãn hiệu nổi tiếng như ZARA, MANGO, GAP, C&A, CK, TCP, Columbia, Walmart, Mark & Spencer, Target, Decathlon, JCPenney, The Children Place. Mục tiêu lâu dài mà TNG hướng đến là bán hàng trực tiếp cho các nhà bán lẻ hàng đầu thế giới nhằm gia tăng lợi nhuận. Mặt khác, TNG cũng đang tận dụng thế mạnh, khai thác và củng cố vị thế của mình đối với thị trường thời trang trong nước.

Xét về thị phần, Công ty chưa có thông tin cụ thể về vị trí thị phần của TNG trong ngành dệt may Việt Nam.

Hiện nay, TNG đã phát triển được hệ thống các nhà máy may mặc rộng khắp tỉnh Thái Nguyên quy mô lớn với 15 chi nhánh may có trang thiết bị hiện đại, 2 chi nhánh phụ trợ, 2 chi nhánh công nghệ và 1 chi nhánh kiểm định chất lượng.

### 8.2 Triển vọng phát triển ngành

Theo thống kê của Hiệp hội Dệt may Việt Nam (Vitas), trong năm 2024, kim ngạch xuất



khẩu dệt may đạt hơn 40 tỷ USD, tăng 5% so với năm 2023. Trong đó, thị trường Hoa Kỳ và Châu Âu tiếp tục là hai thị trường chủ lực, xuất khẩu sang Mỹ đạt 15 tỷ USD tăng 3% so với năm 2023, xuất khẩu sang Châu Âu đạt 10 tỷ USD tăng 4% so với năm 2023. Tuy nhiên, những doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu dệt may Việt Nam vẫn gặp một số khó khăn nhất định như: cạnh tranh gia tăng (các nước như Bangladesh và Campuchia đang nâng cao năng lực sản xuất và xuất khẩu, tạo áp lực cạnh tranh cho Việt Nam), yêu cầu về tiêu chuẩn cao (thị trường Mỹ và EU ngày càng chú trọng đến các tiêu chuẩn về môi trường và lao động, đòi hỏi doanh nghiệp phải đầu tư để đáp ứng) và biến động kinh tế toàn cầu. Hiện ngành dệt may Việt Nam đang xuất khẩu sang khoảng 104 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn cầu với các thị trường mới như châu Phi, Nga, các nước đạo Hồi, 36 mặt hàng dệt may xuất khẩu. Ngành dệt may Việt Nam vẫn có những ưu thế so với các quốc gia cạnh tranh. Việt Nam đã tham gia và đang đàm phán 19 Hiệp định thương mại tự do (trong đó: 16 FTA đã ký kết và thực thi; 3 FTA đang trong quá trình đàm phán) và là quốc gia duy nhất ký kết Hiệp định thương mại tự do với tất cả các đối tác kinh tế lớn trên toàn cầu như: Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, EU, Anh, Nga. Đặc biệt, Chiến lược phát triển ngành Dệt May và Da Giày Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2035 được Chính Phủ phê duyệt mới đây sẽ là nền móng thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực sợi – dệt – nhuộm, tạo cơ hội cho ngành dệt may tận dụng ưu đãi từ các Hiệp định.

❖ **Hiệp định EVFTA – Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu**

Với việc Hội đồng châu Âu thông qua Hiệp định EVFTA vào ngày 30 tháng 3 năm 2020 và Quốc hội Việt Nam phê chuẩn Hiệp định vào ngày 8 tháng 6 năm 2020, điều này sẽ giúp cho tình hình xuất nhập khẩu của các mặt hàng nói chung và các mặt hàng ngành Dệt may nói riêng được dự báo tăng trưởng nhanh chóng từ năm 2020. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã đưa ra dự báo đối với kim ngạch xuất khẩu ngành dệt may, trong kịch bản tích cực dự báo kim ngạch xuất khẩu vào thị trường EU sẽ tăng nhanh với mức khoảng 67% đến năm 2025 so với kịch bản không có Hiệp định. Về sản lượng, nhìn chung EVFTA có tác động tích cực tới sản lượng với tốc độ tăng 6% (với ngành dệt) và 14% (với ngành may) vào năm 2030.

Nhờ cạnh tranh về giá cả, khối EU nhìn chung đều tăng nhập hàng từ các nước thứ 3, thường là Bangladesh, Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ, Pakistan, Việt Nam, v.v. Trong đó, trị giá xuất khẩu hàng may mặc Việt Nam đang ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao hơn so với mặt bằng trị giá nhập khẩu vào các nước trong khối EU. Tuy vẫn phải cạnh tranh gay gắt từ Bangladesh và Pakistan, tuy nhiên hàng may mặc Việt Nam vẫn đang từ từ gia tăng thị phần trong thị trường EU.



❖ **Mục tiêu và định hướng Quốc gia đối với ngành Dệt may**

Quyết định số 1643/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Dệt May và Da Giày Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2035 ban hành ngày 29/12/2022 đã nêu: Mục tiêu tổng quát nhằm phát triển ngành dệt may và da giày là ngành chủ lực về xuất khẩu của nền kinh tế; đẩy mạnh sản xuất sản phẩm có chất lượng, có năng lực cạnh tranh cao trên thị trường quốc tế, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước; giữ vững vị trí trong nhóm các quốc gia sản xuất và xuất khẩu sản phẩm dệt may, da giày hàng đầu thế giới. Đến năm 2025, thu nhập bình quân của lao động trong doanh nghiệp ngành dệt may và da giày đạt trên 90% mức thu nhập bình quân chung của lao động trong doanh nghiệp cả nước và phấn đấu giảm dần khoảng cách với mức bình quân chung cả nước. Đến năm 2035, ngành dệt may và da giày phát triển hiệu quả, bền vững theo mô hình kinh tế tuần hoàn; hoàn thiện chuỗi giá trị sản xuất trong nước, tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu; phát triển được một số thương hiệu mang tầm khu vực và thế giới.

Mục tiêu cụ thể về phát triển ngành dệt may như sau:

- Tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2021 - 2030 đạt 6,8% - 7,2%/năm, trong đó giai đoạn 2021 - 2025 phấn đấu đạt 7,5% - 8,0%/năm.
- Phấn đấu kim ngạch xuất khẩu năm 2025 đạt 50 - 52 tỷ USD và năm 2030 đạt 68 - 70 tỷ USD.
- Tỷ lệ nội địa hóa ngành Dệt May giai đoạn 2021 - 2025 đạt 51% - 55% và giai đoạn 2026 - 2030 đạt 56% - 60%.

Theo định hướng chung, ngành dệt may phát triển theo hướng chuyên môn hoá, hiện đại hóa; cải thiện cơ cấu sản phẩm, tập trung phát triển các sản phẩm có giá trị gia tăng cao; áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quản lý chất lượng tiên tiến để nâng cao sức cạnh tranh của ngành. Đồng thời, toàn ngành cũng đặt mục tiêu đẩy mạnh chuyển từ gia công sản xuất sang các hình thức đòi hỏi năng lực cao hơn về quản lý chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị, thiết kế và xây dựng thương hiệu trên cơ sở công nghệ phù hợp đến hiện đại gắn với hệ thống quản lý chất lượng, quản lý lao động và bảo vệ môi trường theo chuẩn mực quốc tế. Thúc đẩy đầu tư sản xuất nguyên, phụ liệu, công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may; chú trọng đến sản xuất vải, vải nhân tạo, da thuộc, khuyến khích sản xuất vải từ sợi sản xuất trong nước nhằm giảm nhập khẩu, tác động tích cực đến mối liên kết, hình thành chuỗi giá trị và cung ứng hoàn chỉnh trong ngành dệt may, đáp ứng yêu cầu về quy tắc xuất xứ của các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới cũng như đẩy mạnh quá trình nội địa hóa, cải thiện và giảm nhanh khoảng cách chênh lệch về trình độ và năng suất với các nước có nền kinh tế phát triển cao hơn.



### 8.3 So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

**Bảng 22: Các chỉ số tài chính cơ bản của một số doanh nghiệp trong cùng ngành**

Nội dung	Đơn vị	TCM	MSH	GIL	EVE	AAT
Tổng tài sản	Triệu đồng	3.895.534	4.523.189	3.262.219	1.284.188	1.334.268
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	2.271.740	2.055.533	2.560.825	948.498	725.392
Doanh thu thuần	Triệu đồng	3.810.451	5.280.403	710.892	741.242	583.010
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	Triệu đồng	339.420	560.026	-1.599	-26.268	-10.759
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	11.008	-16.219	54.855	-2.507	5.880
Lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	350.428	543.808	53.256	-28.776	-4.879
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	278.069	442.490	27.631	-29.094	-8.311

*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 2024 đã kiểm toán của TCM, MSH, GIL, EVE và AAT*

### 8.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

Trước xu thế phát triển mới của nền kinh tế thế giới, ngành dệt may thế giới nói chung đã có những đổi mới về chính sách và công nghệ để đáp ứng xu thế của chuỗi cung ứng toàn cầu hiện nay là sản xuất sạch, sản xuất bền vững, bảo vệ môi trường và có trách nhiệm xã hội... xu hướng tiến tới sự bền vững toàn cầu trong ngành dệt may. Một số quốc gia trên thế giới đã ban hành các chính sách và thực hành quản lý nhằm hướng tới sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên và giảm chất thải, loại bỏ các chất gây lo ngại và loại trừ phát sinh vi sợi; biến đổi cách thức thiết kế quần áo, bán và sử dụng sao cho có thể giảm thải ra tự nhiên; cải thiện triệt để khả năng tái chế bằng cách thay đổi thiết kế, thu hồi và tái sản xuất; hướng tới sử dụng nguyên nhiên liệu tái tạo.

Theo Quyết định số 1643/QĐ-TTg, Chính Phủ đã đề ra định hướng phát triển của ngành dệt

may và da giày nói chung và ngành dệt may nói riêng. Theo đó, các ngành tập trung phát triển, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh sang các hình thức đòi hỏi năng lực cao hơn về quản lý chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị, thiết kế và xây dựng và thương hiệu. Hiện nay, TNG đã tập trung phát triển công nghệ (đã và đang phát triển công nghệ tự động hóa TNG bằng cách thành lập chi nhánh TOT, chi nhánh LAB, xây dựng kế hoạch TRE và ký thêm các hợp đồng công nghệ phần mềm), chủ động nguồn vật liệu của sản xuất kinh doanh, thúc đẩy sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao (theo phương thức FOB, ODM) và phát triển hệ thống phân phối trong và ngoài nước.

Theo định hướng cụ thể của ngành dệt may tại Quyết định số 1643/QĐ-TTg thì là tập trung vào đầu tư đổi mới công nghệ ở các khâu quyết định như khâu cắt vải tự động, thiết kế mẫu mới, hoàn thiện chu trình may để tăng năng suất lao động và đa dạng hóa sản phẩm. Hiện nay, TNG đã đẩy mạnh sản xuất sang các sản phẩm có giá trị cao, thiết kế mẫu mới, đồng thời đầu tư và nghiên cứu phát triển nguyên liệu bông đen từ sản phẩm tái chế và chuyển đổi nôi hơi đốt sang đốt biomass. Từ đó cho thấy định hướng và hoạt động kinh doanh của TNG phù hợp với định hướng phát triển ngành của Chính Phủ. TNG luôn chú trọng tập trung phát triển công nghệ và phát triển bền vững.

Nhận định và đánh giá về định hướng phát triển của ngành, Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG cũng đã và đang có những chiến lược đúng đắn, phù hợp với định hướng phát triển của ngành và xu thế chung của thế giới. Trong những năm tới, bên cạnh việc tiếp tục đẩy mạnh sản xuất, Công ty cũng đã đầu tư các nhà máy sản xuất dệt may đạt tiêu chuẩn nhà máy xanh và đang đầu tư dự án cụm công nghiệp Sơn Cẩm nơi dự kiến sẽ xây dựng nhà máy xử lý nước thải và cấp nước đáp ứng yêu cầu cao của luật môi trường trong sản xuất dệt nhuộm và giải pháp công nghệ TRE, chi nhánh nhà máy công nghệ TOT.

## 9. Chính sách đối với người lao động

### 9.1. Số lượng người lao động trong công ty

Tổng số nhân viên của TNG tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 19.052 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 18.174 người).

**Bảng 23: Cơ cấu lao động của Công ty tại ngày 31/12/2024**

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	19.052	100%
1	Trên đại học	47	0,25%
2	Đại học	883	6,63%
3	Cao đẳng	676	3,55%
4	Trung cấp	485	2,55%
5	Sơ cấp	12.851	67,45%



6	Lao động phổ thông	4.110	21,57%
<b>B</b>	<b>Theo độ tuổi</b>	<b>19.052</b>	<b>100%</b>
1	Từ 18 đến 30 tuổi	6.472	33,97%
2	Từ 31 đến 40 tuổi	8.301	43,57%
3	Từ 41 đến 50 tuổi	3.975	20,86%
4	Trên 50 tuổi	304	1,60%
<b>C</b>	<b>Cơ cấu lao động theo hộ khẩu thường trú</b>	<b>19.052</b>	<b>100%</b>
1	Nội tỉnh	17.910	94,01%
2	Ngoại tỉnh	1.142	5,99%
<b>D</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>19.052</b>	<b>100%</b>
1	Nam	5.176	27,17%
2	Nữ	13.876	72,83%

Nguồn: TNG

### 9.1.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

- ❖ **Chính sách đào tạo:** Đối với người lao động mới và chưa biết nghề may công nghiệp sẽ được Công ty ký hợp đồng đào tạo nghề. Đối với CBCNV, Công ty hỗ trợ 100% tiền lương, tiền học phí đào tạo đối với cán bộ được cử đi học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đặc biệt, Công ty còn hỗ trợ tiền học phí với con của CBCNV đang học tại các trường đại học có nguyện vọng vào làm việc tại Công ty. Để thực hiện rộng rãi hơn cũng như chuyên sâu và hiệu quả hơn các chương trình đào tạo đối với lãnh đạo các phòng ban và người lao động, TNG đã triển khai thực hiện nhiều chương trình đào tạo thiết thực và được đánh giá khá cao trong việc chú trọng công tác đào tạo đối với người lao động.
- ❖ **Chế độ làm việc của người lao động:** Là một doanh nghiệp đông lao động, Công ty luôn quan tâm tới đời sống và môi trường làm việc cho người lao động. Bên cạnh các chế độ về Bảo hiểm, an toàn lao động mà Bộ luật Lao động quy định, Công ty còn áp dụng các tiêu chuẩn về lao động khác như tiêu chuẩn Trách nhiệm Xã hội SA8000, để đảm bảo các quyền lợi của người lao động, từ đó, người lao động luôn yên tâm gắn bó với Công ty.
- ❖ **Chế độ lương, thưởng, phúc lợi và đãi ngộ:**
  - (i) Tiền lương

Theo chức danh công việc, tiền lương được trả theo hệ số cấp bậc của người lao động nhân với tiền lương tối thiểu (tiền lương tối thiểu áp dụng cho CBCNV lao động tại TNG tăng 13% so với mức quy định của Nhà nước). Tiền lương sản phẩm: trả theo đơn giá sản phẩm nhân với số lượng sản phẩm. Tiền lương thời gian theo chế độ: Trả cho những ngày nghỉ Lễ, phép, học tập, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ do tai nạn lao động, nghỉ khám sức khỏe định kỳ và chế độ lao động nữ.

- Chính sách nâng lương: TNG thực hiện theo Nội quy lao động và Quy chế tiền lương 2024 - Quyết định số 1888/2024/QĐ-TNG ngày 08/02/2024, trong đó việc nâng lương sẽ gồm 02 loại là nâng lương trong trường hợp đặc biệt và nâng lương theo mức tăng tiền lương tối thiểu vùng hàng năm.
- Chính sách nâng bậc: TNG thực hiện theo Nội quy lao động và Quy chế lương 2024. Vào tháng 01 hàng năm, căn cứ theo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, TNG sẽ xem xét tổ chức nâng bậc cho người lao động. Đối tượng và điều kiện được nâng bậc được quy định rõ trong quy chế lương năm 2024 và được thông tin rộng rãi đến người lao động.

(ii) Tiền thưởng

Tiền thưởng được tính theo Quy chế thi đua khen thưởng của Công ty gồm: Thưởng thành tích hàng tháng, thành tích thi đua, tháng lương thứ 13, tiền thưởng tích lũy thành tích thi đua hàng tháng, Tết Nguyên Đán, thưởng phân chia nguồn kết dư tiền lương còn lại hàng năm. Bên cạnh đó về thời gian làm việc cũng như các chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết được tuân thủ theo quy định của pháp luật. Làm việc ở TNG người lao động có cơ hội thăng tiến, được bổ nhiệm vào các chức vụ quản lý theo năng lực cá nhân. Công ty khuyến khích và tài trợ kinh phí cho CBNV được học tập nâng cao nghiệp vụ, tay nghề trong và ngoài nước.

(iii) Phúc lợi dành cho người lao động

- Bảo hiểm thân thể 100% mức đóng/năm.
- Tham quan du lịch trong và ngoài nước.
- Nhà ở tập thể cho người lao động với giá ưu đãi.
- Học bổng cho con em có nguyện vọng học xong về làm việc tại TNG, gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn.
- Hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa cho CBNV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.
- Hỗ trợ xe đưa đón CBNV (có địa điểm gửi xe không mất phí), nhà trẻ tại khu tập thể cho CBNV gửi con em.
- Lao động nữ sinh con được Công ty hỗ trợ 300.000đ/ lần sinh. Chế độ thai sản dành cho các ông bố: Người lao động là nam giới, mà cả hai vợ chồng là CBNV của TNG, khi người vợ nghỉ sinh con, người chồng được Công ty cho nghỉ để chăm sóc vợ con. Thời gian được nghỉ là 05 ngày nếu vợ sinh thường, là 07 ngày nếu vợ sinh mổ và được thanh toán 100% tiền lương.
- Xây dựng, phát triển khu cây xanh trong khuôn viên Công ty để người lao động có môi trường xanh, sạch.
- Được nghỉ ngày kỷ niệm thành lập Công ty và dịp Noel vẫn hưởng lương đầy đủ.

❖ **Chế độ phụ cấp, trợ cấp**



Hiện người lao động tại TNG đang được hưởng phụ cấp, trợ cấp sau:

- Phụ cấp kiêm nhiệm
- Chuyên cần
- Phụ cấp suất ăn ca
- Phụ cấp an toàn vệ sinh viên hằng tháng
- Phụ cấp cho đội trưởng, đội phó Phòng cháy chữa cháy
- Phụ cấp lao động cho các bà mẹ mang thai hoặc nuôi con nhỏ dưới 6 tuổi.
- Phụ cấp xăng xe

## 10. Chính sách cổ tức và chính sách vay nợ

### 10.1. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

**Bảng 24: Tỷ lệ trả cổ tức trong những năm gần đây**

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
Tỷ lệ trả cổ tức (% vốn điều lệ)	16% (8% bằng tiền và 8% bằng cổ phiếu, trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế để lại lũy kế của năm 2022)	16% (8% bằng tiền và 8% bằng cổ phiếu, trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế để lại lũy kế của năm 2023)

Nguồn: TNG

### 10.2 Chính sách vay nợ trong thời hạn trái phiếu

Trái Phiếu được phát hành nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong thời hạn Trái Phiếu, trên cơ sở nhu cầu vốn của Công ty cũng như các dự án đang thực hiện và sẽ triển khai và trên cơ sở tự cân đối nguồn vốn, Công ty có thể cần huy động thêm vốn dưới hình thức vay ngắn hạn hoặc dài hạn các tổ chức tín dụng, phát hành trái

phiếu riêng lẻ hoặc phát hành trái phiếu ra công chúng hoặc các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

### 10.3 Thứ tự ưu tiên thanh toán của Trái Phiếu trong danh mục nợ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Năm 2022, TNG đã phát hành trái phiếu ra công chúng và không có tài sản bảo đảm (Trái Phiếu TNG122017). Trong trường hợp Công ty mất khả năng trả nợ/phá sản, đối với trái phiếu không có tài sản bảo đảm, nghĩa vụ chưa thanh toán sẽ được xếp ngang bằng với các nghĩa vụ nợ khác không được bảo đảm của Công ty.

Trái Phiếu TNGH2428001 được phát hành và tạo thành nghĩa vụ trả nợ trực tiếp đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và được bảo đảm một phần bằng tài sản. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán cho các nghĩa vụ liên quan đến Trái Phiếu thì phần nghĩa vụ chưa thanh toán sẽ có thứ tự thanh toán tối thiểu là ngang bằng với tất cả các nghĩa vụ chung, trực tiếp, không mang tính thứ cấp và không được bảo đảm (dù là nghĩa vụ hiện tại hoặc tương lai) của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết (trừ trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo quy định của pháp luật).

## 11. Tình hình hoạt động tài chính

### 11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

#### 11.1.1. Trích khấu hao tài sản cố định

##### ❖ Tài sản cố định hữu hình

- Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.
- Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính như sau:

**Bảng 25: Số năm khấu hao tài sản cố định hữu hình**

Loại tài sản	Thời gian
Nhà xưởng và vật kiến trúc	03 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 25 năm
Thiết bị văn phòng	04 - 09 năm
Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
Tài sản cố định khác	05 - 23 năm



Nguồn: TNG

❖ **Tài sản cố định vô hình**

- **Quyền sử dụng đất:** Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ phù hợp với thời gian sử dụng lô đất.
- **Phần mềm máy tính:** phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Các phần mềm quản lý hàng tồn kho, tiền lương, điều hành sản xuất và kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5-7 năm.

❖ **Bất động sản đầu tư**

- Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 47-50 năm.

❖ **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

- Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**11.1.2. Mức lương bình quân cho lao động****Bảng 26: Thu nhập bình quân của nhân sự TNG**

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tổng số lượng người lao động (người)	14.796	15.794	18.117	18.174	19.052
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	8.222.203	8.500.000	9.500.000	9.500.000	9.478.000

Nguồn: Báo cáo thường niên của TNG

Thu nhập bình quân của người lao động trong giai đoạn 2022-2024 duy trì ở mức tương đối ổn định là khoảng 9.500.000 đồng/tháng, luôn cao hơn mức lương tối thiểu vùng tại Thái Nguyên.

**11.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản vay nợ. Tính đến thời điểm 31/12/2024, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào.

**11.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định**

Các khoản phải nộp theo luật định khác trong hợp đồng/cam kết bao gồm các giá trị gia tăng áp dụng là theo quy định của pháp luật tùy từng thời kỳ. Công ty nghiêm chỉnh thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách có liên quan đến người lao động. Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định tại ngày 31/12/2023, 31/12/2024 và 31/03/2025 như sau:

**Bảng 27: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định của TNG**

Đơn vị: Triệu đồng

Các loại thuế	31/12/2023		31/12/2024*	31/03/2025
	Hợp nhất	Riêng lẻ		
Thuế giá trị gia tăng	436	436	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.538	21.299	30.037	9.939
Thuế thu nhập cá nhân	3.085	2.972	3.384	4.338
Các loại thuế khác	275	275	1.027	3.872
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.334</b>	<b>24.982</b>	<b>34.447</b>	<b>18.149</b>

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán, BCTC năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2025 của TNG

Ghi chú: \* Tại thời điểm 31/12/2024 và 31/03/2025, TNG không có công ty con như trình bày tại mục IV.5.2 Bản Cáo Bạch này. Do vậy, kết thúc năm 2024 và Quý 1 năm 2025, TNG chỉ ban hành BCTC riêng của Công ty.

Nghĩa vụ của TNG đối với các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 250/QĐ-XPHC ngày 20/06/2024 của UBCKNN; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 936/QĐ-XPHC-CTTNG ngày 25/04/2024 và số 2408/QĐ-CTTNG ngày 28/12/2023 của Cục thuế tỉnh Thái Nguyên, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 75/XPVPHC ngày 26/12/2024 của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Nguyên: Đã hoàn thành nghĩa vụ nộp phạt.

**11.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định**

Hàng năm, TNG trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần và theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty. Số dư các quỹ của Công ty qua các năm như sau:

**Bảng 28: Tình hình trích lập các quỹ của TNG**

Đơn vị: Triệu đồng

Các loại quỹ	31/12/2023	31/12/2024*	31/03/2025
--------------	------------	-------------	------------



	Hợp nhất	Riêng lẻ		
Quỹ đầu tư phát triển	270.776	270.776	290.776	290.776
Quỹ khen thưởng phúc lợi	53.128	53.128	29.119	20.323
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	102.265	102.265	112.265	112.265
<b>Tổng cộng</b>	<b>426.169</b>	<b>426.169</b>	<b>432.160</b>	<b>423.364</b>

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán, BCTC năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2025 của TNG

Ghi chú: \* Tại thời điểm 31/12/2024 và 31/03/2025, TNG không có công ty con như trình bày tại mục IV.5.2 Bản Cáo Bạch này. Do vậy, kết thúc năm 2024 và Quý 1 năm 2025, TNG chỉ ban hành BCTC riêng của Công ty.

#### 11.1.6. Tổng dư nợ vay của Tổ Chức Đăng Ký Niên Yết

Theo Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán, TNG không có khoản nợ quá hạn.

**Bảng 29: Chi tiết các khoản vay ngắn và dài hạn của TNG tại 31/12/2023 (hợp nhất)\***

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đối tượng	31/12/2023
<b>I</b>	<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>1.818.910</b>
	<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>1.617.667</b>
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	875.643
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	497.144
3	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	149.016
4	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên	95.627
5	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	-
6	Khoản vay ngắn hạn khác	237
	<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>201.243</b>
1	Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt nam – CN Thái Nguyên	118.000
2	Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – CN Thái Nguyên	49.052
3	Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – CN Thái Nguyên	33.930
4	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội – CN Thái Nguyên	261
5	Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam	400
	<b>Trái phiếu</b>	<b>-</b>
1	Trái phiếu đến kỳ hạn	-
<b>II</b>	<b>Vay dài hạn</b>	<b>1.022.890</b>
	<b>Vay dài hạn</b>	<b>725.684</b>

TT	Đối tượng	31/12/2023
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	271.023
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	336.091
3	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	99.165
4	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên	9.405
5	Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam	10.000
	<b>Trái phiếu thường</b>	<b>297.206</b>
1	Trái phiếu thường	297.206

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của TNG

Ghi chú: \* Tại thời điểm 31/12/2024, TNG không có công ty con như trình bày tại mục IV.5.2 Bản Cáo Bạch này. Do vậy, kể từ thời điểm kết thúc năm 2024, TNG chỉ ban hành BCTC riêng của Công ty.

**Bảng 30: Chi tiết các khoản vay ngắn và dài hạn tại ngày 31/12/2023 (Công ty mẹ), 31/12/2024 và 31/03/2025**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đối tượng	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
<b>I</b>	<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>1.819.049</b>	<b>1.606.743</b>	<b>1.926.795</b>
	<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>1.617.667</b>	<b>1.400.736</b>	<b>1.793.899</b>
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	875.643	625.585	710.278
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	497.144	235.673	498.680
3	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	149.016	135.231	73.168
4	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên	95.627	138.958	154.759
5	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	-	73.622	55.922
6	Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga	-	74.628	151.214
7	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đô	-	64.459	-
8	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	-	52.542	149.840
9	Khoản vay ngắn hạn khác	237	37	37
	<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>201.382</b>	<b>206.007</b>	<b>132.896</b>
1	Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt nam – CN Thái Nguyên	118.000	99.462	52.921



TT	Đối tượng	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
2	Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – CN Thái Nguyên	33.930	44.794	33.661
3	Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – CN Thái Nguyên	49.052	59.512	44.634
4	Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam	400	2.240	1.680
<b>II</b>	<b>Vay dài hạn</b>	<b>1.013.485</b>	<b>1.299.129</b>	<b>1.229.848</b>
	<b>Vay dài hạn</b>	<b>716.280</b>	<b>606.505</b>	<b>536.562</b>
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	271.023	202.052	212.458
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	336.091	275.825	236.430
3	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	99.165	115.188	70.395
4	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên	-	-	6.080
5	Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam	10.000	13.440	11.200
	<b>Trái phiếu thường</b>	<b>297.206</b>	<b>692.624</b>	<b>693.286</b>
1	Trái phiếu thường	297.206	692.624	693.286

Nguồn: BCTC riêng năm 2023 đã được kiểm toán, BCTC năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2025 của TNG

#### 11.1.7. Tình hình công nợ của Tổ Chức Đăng Ký Niên Yết

##### ❖ Các khoản phải thu:

**Bảng 31: Chi tiết các khoản phải thu của TNG**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024*	31/03/2025
	Hợp nhất	Riêng lẻ		
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>774.879</b>	<b>745.295</b>	<b>740.189</b>	<b>667.819</b>
Phải thu khách hàng	696.967	699.078	690.550	619.639
Trả trước người bán	788	574	2.843	11.141
Các khoản phải thu khác	77.765	46.285	51.438	41.681
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-641	-641	-4.641	- 4.641
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>10.681</b>	<b>10.681</b>	<b>10.681</b>	<b>10.681</b>
Phải thu dài hạn khác	10.681	10.681	10.681	10.681
<b>Tổng cộng</b>	<b>785.560</b>	<b>755.976</b>	<b>750.870</b>	<b>678.500</b>

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán, BCTC năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2025 của TNG

Ghi chú: \* Tại thời điểm 31/12/2024, TNG không có công ty con như trình bày tại mục IV.5.2 Bản Cáo Bạch này. Do vậy, kể từ thời điểm kết thúc năm 2024, TNG chỉ ban hành

BCTC riêng của Công ty.

**Bảng 32: Nợ xấu của Tổ Chức Phát Hành (hợp nhất) tại ngày 31/12/2023\***

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Pearl Global Việt Nam	132	-
Công ty Cổ phần May Trúc Minh	160	-
Công ty Madex SRL	601	251
<b>Tổng cộng</b>	<b>893</b>	<b>251</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của TNG

Ghi chú: \* Tại thời điểm 31/12/2024, TNG không có công ty con như trình bày tại mục IV.5.2 Bản Cáo Bạch này. Do vậy, kể từ thời điểm kết thúc năm 2024, TNG chỉ ban hành BCTC riêng của Công ty.

**Bảng 33: Nợ xấu của TNG tại ngày 31/12/2023 (Công ty mẹ), 31/12/2024 và 31/03/2025**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Nợ xấu tại 31/12/2023		Nợ xấu tại thời điểm 31/12/2024		Nợ xấu tại thời điểm 31/03/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH JDC Korea	-	-	3.663	-	3.663	-
Công ty Madex SRL	601	251	601	-	601	-
Công ty Cổ phần May Trúc Minh	160	-	160	-	160	-
Công ty TNHH Pearl Global Việt Nam	132	-	132	-	132	-
Khác	-	-	86	-	86	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>893</b>	<b>251</b>	<b>4.641</b>	<b>-</b>	<b>4.641</b>	<b>-</b>

Nguồn: BCTC riêng năm 2023 đã được kiểm toán, BCTC năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý 1 năm 2025 của TNG

Theo báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán, dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi là 4.641.291.733 đồng. Tính đến thời điểm của Bản cáo bạch này, TNG đã trích lập dự phòng cho toàn bộ các khoản nợ xấu nêu trên.

❖ **Các khoản phải trả:**

**Bảng 34: Chi tiết các khoản phải trả của TNG**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024*	31/03/2025
	Hợp nhất	Riêng lẻ		
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>2.545.132</b>	<b>2.541.230</b>	<b>2.750.974</b>	<b>2.944.564</b>



Phải trả người bán ngắn hạn	476.692	473.768	776.663	788.311
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	9.039	9.039	7.329	38.466
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	25.334	24.982	34.447	18.149
Phải trả người lao động	81.075	79.686	256.936	120.299
Chi phí phải trả ngắn hạn	54.506	54.473	21.394	14.571
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	3.890	5.181	1.947	2.136
Phải trả ngắn hạn khác	22.121	21.887	16.035	15.084
Vay ngắn hạn	1.819.310	1.819.049	1.606.743	1.926.795
Dự phòng phải trả ngắn hạn	38	38	360	430
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	53.128	53.128	29.119	20.323
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>830.382</b>	<b>879.841</b>	<b>1.173.480</b>	<b>1.320.696</b>
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	8.372	67.738	80.358	90.848
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	821.247	812.104	1.093.122	1.229.848

*Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán, BCTC năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2025 của TNG*

Ghi chú: \* Tại thời điểm 31/12/2024, TNG không có công ty con như trình bày tại mục IV.5.2 Bản Cáo Bạch này. Do vậy, kể từ thời điểm kết thúc năm 2024, TNG chỉ ban hành BCTC riêng của Công ty.

## 11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 35: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của TNG**

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023		Năm 2024 *	Ghi chú
		Hợp nhất	Riêng lẻ		
<b>1. Khả năng thanh toán</b>					
Hệ số thanh toán ngắn hạn ( <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i> )	Lần	0,89	0,82	0,96	
Hệ số thanh toán nhanh ( <i>Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho</i> )/ <i>Nợ ngắn hạn</i> )	Lần	0,48	0,47	0,57	
<b>2. Cơ cấu vốn</b>					
Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,65	0,65	0,67	
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,82	1,98	2,07	
<b>3. Năng lực hoạt động</b>					
Vòng quay tổng tài sản ( <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i> )	Vòng	1,35	1,36	1,40	
Vòng quay vốn lưu động ( <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản</i>	Vòng	2,92	3,14	3,25	

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023		Năm 2024 *	Ghi chú
		Hợp nhất	Riêng lẻ		
<i>ngắn hạn bình quân)</i>					
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	5,27	5,64	6,62	
<b>4. Khả năng sinh lời</b>					
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)	%	3,09	3,13	4,11	
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân)	%	4,17	4,27	5,74	
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) (Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân)	%	12,52	13,26	17,40	
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VNĐ	1.917		2.568	

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán, BCTC năm 2024 đã được kiểm toán, BCTC Quý 1 năm 2025 của TNG

Ghi chú: \* Tại thời điểm 31/12/2024, TNG không có công ty con như trình bày tại mục IV.5.2 Bản Cáo Bạch này. Do vậy, kể từ thời điểm kết thúc năm 2024, TNG chỉ ban hành BCTC riêng của Công ty.

## 12. Thông tin về Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

### 12.1 Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Thời	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Đức Mạnh	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Nguyễn Mạnh Linh	Thành viên HĐQT không điều hành
4	Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành
5	Đoàn Thị Thu	Thành viên HĐQT
6	Hà Thị Tuyết	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành
7	Đào Đức Thanh	Thành viên HĐQT

#### 12.1.1 Ông Nguyễn Văn Thời – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Nguyễn Văn Thời
- Số CCCD: 034058017581 – Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH – Ngày cấp: 28/09/2021
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 27/01/1958



- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện mỏ, cử nhân kinh tế, cử nhân chính trị
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
06/1982 – 11/1992	Đội trưởng đội vật tư Công ty Xây lắp Điện Bắc Thái
12/1992 – 01/1993	Trưởng phòng vật tư Công ty Xây lắp Điện Bắc Thái
02/1992 – 09/1993	Phó giám đốc Xí nghiệp May Bắc Thái
10/1993 – 12/2002	Giám đốc Công ty May Thái Nguyên
2003 – 2007	Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc Công ty CP May Xuất khẩu Thái Nguyên
2007 – 2012	Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc Công ty CP May Xuất khẩu Thái Nguyên
2019 – 2023	Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên TNG Eco Green
2019 – 2023	Chủ tịch Công ty TNHH TNG Fashion
2019 – Nay	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG
2022 - Nay	Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần TNG Land
2013 – Nay	Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
  - + Tổng Giám đốc Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG
  - + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần TNG Land
- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 17/3/2025: 22.713.922 cổ phần (tương ứng 18,53% vốn điều lệ). Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 22.713.922 cổ phần (tương ứng với 18,53% vốn điều lệ),
  - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Đỗ Thị Hà	Vợ	2.194.554	1,79%
2	Nguyễn Đức Mạnh	Con trai	10.825.261	8,83%
3	Nguyễn Mạnh Linh	Con trai	719.076	0,59%
4	Nguyễn Văn Thới	Em trai	828	0,0007%
5	Nguyễn Thị Nhuận	Em gái	301.030	0,25%
6	Nguyễn Thị Miện	Em gái	261.857	0,21%
7	Nguyễn Thị Miên	Em gái	83.885	0,07%

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
8	Nguyễn Thị Miên	Em gái	0	0%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Thu nhập năm 2024: 3.035.179.800 VNĐ.

#### 12.1.2 Ông Nguyễn Đức Mạnh – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Nguyễn Đức Mạnh
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 03/11/1983
- Số CCCD: 019083000466 – Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH – Ngày cấp: 18/05/2023
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thành Phố Thái Nguyên
- Địa chỉ thường trú: Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Công nghệ Thông tin, cử nhân Ngoại ngữ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
2007 – 2012	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2013 – 2014	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
9/2014 – 5/2017	Thành viên HĐQT – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
05/2017 – 2023	Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
04/2019 – 2023	Giám đốc – Công ty TNHH TNG Fashion
5/2020 – 4/2025	Tổng giám đốc – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
4/2023 – 4/2025	Thành viên HĐQT – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
4/2025 - Nay	Phó chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Số cổ phần nắm giữ tại 17/3/2025: 10.825.261 cổ phần (tương ứng 8,83% vốn điều lệ).  
Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 10.825.261 cổ phần (tương ứng với 8,83% vốn điều lệ),
  - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ:



STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Văn Thời	Bố	22.713.922	18,53%
2	Đỗ Thị Hà	Mẹ	2.194.554	1,79%
3	Nguyễn Mạnh Linh	Em trai	719.076	0,59%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Thu nhập năm 2024: 3.632.486.200 VNĐ.

### 12.1.3 Ông Nguyễn Mạnh Linh – Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành

- Họ và tên: Nguyễn Mạnh Linh
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 25/12/1987
- Số CMTND: 019087014264 – Nơi cấp: Cục CS Quản lý hành chính về Trật tự xã hội – Ngày cấp: 28/09/2021
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phường Phan Đình Phùng, Thành Phố Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
2010	Trợ lý Quản lý sản xuất – Rosingly Inc, New York, NY
2010 – 2011	Trợ lý Quản lý sản xuất – Amerex Group LLC, New York, NY
2011 – 2012	Trợ lý Quản lý sản xuất – Kenneth Cole Production, New York, NY
2013 – 2017	Trưởng phòng Phát triển kinh doanh Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2017 – 2019	Trưởng Văn phòng Đại diện Công ty cổ phần Đầu tư và Thương Mại TNG tại New York
04/2019 – Nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Thương Mại TNG, Trưởng văn phòng Đại diện Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG tại New York
10/2020 – 06/2022	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
07/2022 – nay	Tổng giám đốc công ty cổ phần TNG Land
04/2024 – nay	Thành viên HĐQT – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty cổ phần TNG Land
- Số cổ phần nắm giữ tại 17/3/2025: 719.076 cổ phần (tương ứng 0,59% vốn điều lệ). Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 719.076 cổ phần (tương ứng 0,59% vốn điều lệ),
- + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Văn Thời	Bố	22.713.922	18,53%
2	Đỗ Thị Hà	Mẹ	2.194.554	1,79%
3	Nguyễn Đức Mạnh	Anh trai	10.825.261	8,83%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có;
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Thu nhập năm 2024: 180.000.000 VNĐ.

#### 12.1.4 Ông Nguyễn Hoàng Giang – Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành

- Họ và tên: Nguyễn Hoàng Giang
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 12/06/1986
- Số CCCD: 030086000194 – Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư – Ngày cấp: 03/07/2015
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0974238388
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: P1A1 – 198 Tây Sơn, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội,
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
05/2008 – 10/2008	Nhân viên phòng giải pháp nghiệp vụ - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
10/2008 – 06/2010	Trưởng phòng giải pháp nghiệp vụ và quản trị rủi ro – Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
07/2010 – 10/2010	Giám đốc phát triển sản phẩm và giải pháp nghiệp vụ Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
10/2010 - 12/2012	Quyền Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT – Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
04/2012 – 06/2020	Thành viên HĐQT – Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
12/2012 – 04/2018	Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT – Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
11/2019 – 10/2022	Thành viên HĐQT – Công ty cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay (NVT)
10/2018 – 11/2022	Tổng Giám đốc – Công ty cổ phần Tư vấn Tài chính Eagle Partners
05/2020 – 12/2022	Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn